

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH TRIẾT HỌC**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT**

**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, 11/2021



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

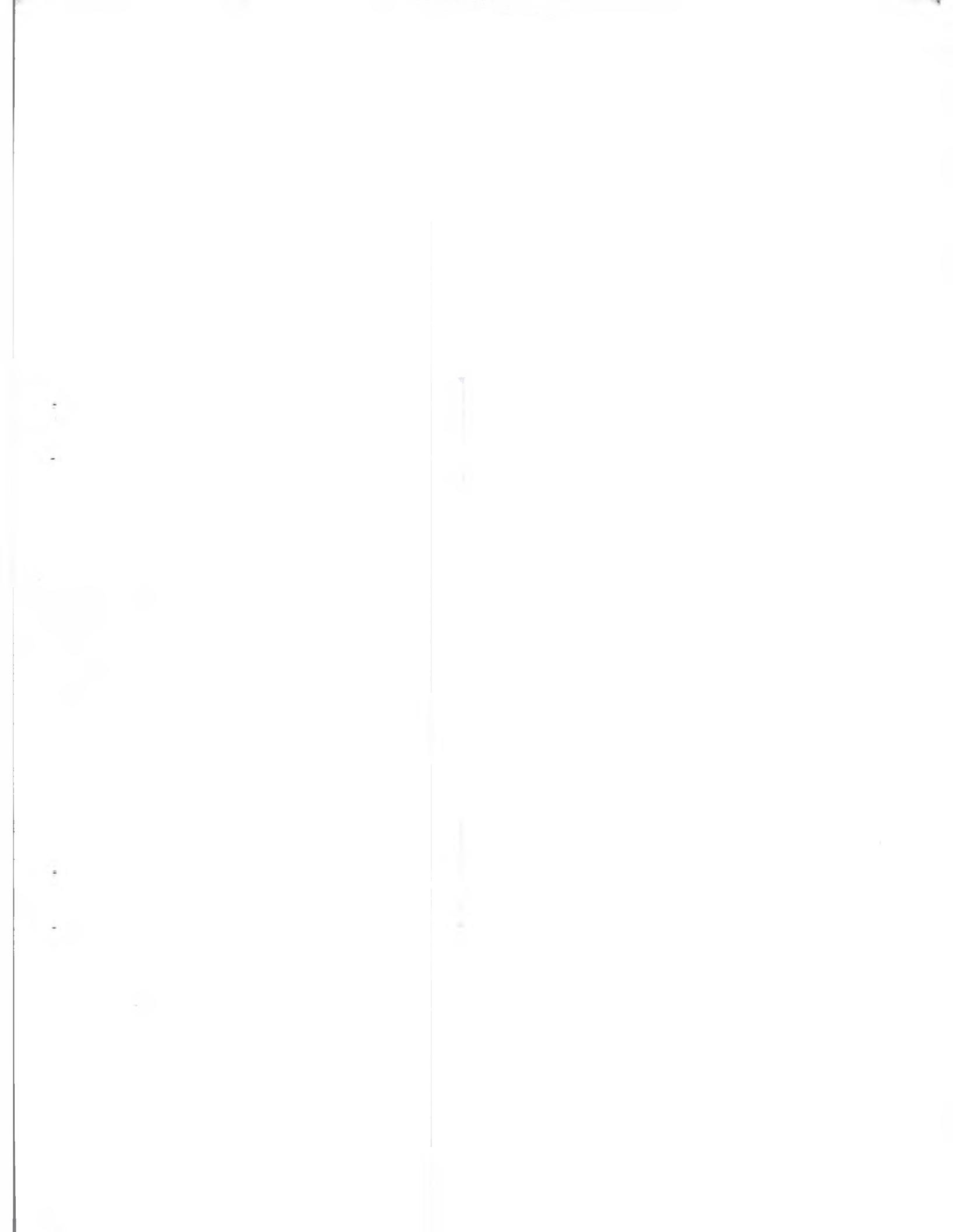
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH TRIẾT HỌC  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**


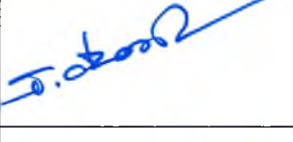


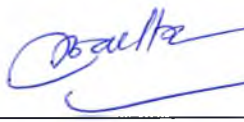

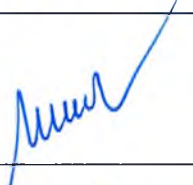

**(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2021)**

*(Báo cáo kèm theo Công văn số 225/KĐCLV, ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc gửi  
Báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo)*

Nghệ An, 11/2021



Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được chuyên gia trong Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam, Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội	Trưởng Đoàn	
2	PGS.TS. Mai Văn Chung, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thư ký	
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thành viên thường trực	
4	TS. Nguyễn Văn Trung, Trường Đại học Vinh	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An, Trường ĐH Dược Hà Nội	Thành viên	
6	TS. Phan Văn Hiếu, Hội nghiên cứu biên tập công trình KH&CN Việt Nam	Thành viên	
7	TS. Lê Huy Tùng, Viện Đào tạo liên tục, ĐHBK Hà Nội	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Giám sát viên	

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Bản quyền Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.



# MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO .....	i
Phần I. TỔNG QUAN .....	1
1. Giới thiệu.....	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài .....	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài .....	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT.....	3
3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....	11
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN .....	17
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT .....	17
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT .....	23
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH .....	27
Tiêu chuẩn 4: PP tiếp cận trong dạy và học .....	31
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học .....	37
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên .....	46
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ NV .....	64
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	75
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị .....	85
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng .....	96
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra .....	109
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài .....	109
Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	109
Phần IV. PHỤ LỤC .....	





**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO**

BĐCL	Bảo đảm chất lượng
BGD	Ban Giám đốc
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&HTSV	Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo, bồi dưỡng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
KHCN	Khoa học công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
KT-KĐCLĐT	Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSDLĐ	Nhà sử dụng lao động
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy

PVCD	Phục vụ cộng đồng
QĐ	Quyết định
QLĐT	Quản lý đào tạo
QLKH	Quản lý khoa học
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức cán bộ
TT	Thông tư

# PHẦN I. TỔNG QUAN

## 1. Giới thiệu

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 196/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh (KĐCLGD-ĐHV). Đoàn gồm 07 thành viên, 01 Giám sát, do PGS. TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với CTĐT ngành Triết học của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục A: Giới thiệu tóm tắt về HVBC&TT, Khoa Triết học;
- Phụ lục B: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Triết học;
- Phụ lục C: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục D: Kế hoạch ĐGN;
- Phụ lục Đ: Công văn của Nhà trường phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/08/2021, từ thực trạng của Nhà trường cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các BLQ (BLQ) trong quá trình đánh giá.

## 2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp (PP) đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cung cấp để xác định những vấn đề chưa rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan (BLQ);

+ Phòng vấn, thảo luận với các BLQ trong và ngoài trường; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSV), trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 25/6/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV trao đổi, thống nhất nguyên tắc, PP, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 26/7/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 01/10/2021

Trưởng đoàn ĐGN, thành viên thường trực đã tiến hành khảo sát sơ bộ trực tiếp tại Học viện; Thư ký, đại diện của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cùng Giám sát làm việc trực tuyến. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm, Khoa Triết học, các bộ môn của Khoa. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng cần bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn.

Kết thúc đợt khảo sát, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản khảo sát sơ bộ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 15-19/10/2021

Đoàn đã trao đổi, thảo luận trực tiếp với Lãnh đạo Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường, phỏng vấn các cán bộ quản lý chuyên môn (trưởng, phó các khoa, bộ môn); 14 GV ngành Triết học, 19 NV hỗ trợ và 07 CB đoàn thể; phỏng vấn online trên phần mềm Microsoft Teams đối với 11 nhà sử dụng lao động (NSDLĐ); khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 18 SV đại học chính quy, 13 cựu SV; khảo sát tình hình việc làm qua điện thoại với 29 SV tốt nghiệp ngành Triết học năm 2019 và 2020.

Đoàn đã dự giờ online lớp học phần “*Chính trị học phát triển*” (chiều ngày 15/10/2021). Đoàn cũng đã kiểm tra hoạt động thi vấn đáp bằng hình thức trực tuyến đối với 01 ca thi sáng ngày 17/10/2021.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(5) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 20-30/10/2021, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường

(6) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Triết học của HVBC&TT (ngày 08/11/2021), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 10/11/2021. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Nhà trường (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

### **3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

#### **3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành Triết học**

##### **(1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT**

Mục tiêu của CTĐT ngành Triết học được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong CTĐT ban hành năm 2020 mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. CĐR của CTĐT ngành Triết học được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT.

CĐR của CTĐT được rà soát vào các năm 2018, 2020, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT tại phiên bản 2020 được xây dựng đúng quy định, thể hiện các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CĐR của CTĐT được phổ biến đến các BLQ, cụ thể: trang thông tin điện tử của Học viện, Sổ tay SV.

### *(2) Bản mô tả CTĐT*

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT, ĐCHP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các BLQ, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay SV,...

Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các BLQ được xem xét trong quá trình rà soát.

ĐCHP được biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2020 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2016, 2018 để phù hợp quy định cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đề cương chi tiết của tất cả các HP có đầy đủ các thông tin.

### *(3) Cấu trúc và nội dung CTDH*

CTDH ngành Triết học phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 130 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành Triết học có tỷ lệ hợp 45 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (34,6%), cơ sở ngành (13,8 %), kiến thức ngành (23,8%), kiến thức bổ trợ (4,6%), kiến thức chuyên ngành (23,8%).

Bản mô tả CTDH, ĐCHP được rà soát, cập nhật và được công khai dưới nhiều hình thức, cụ thể Khoa Triết học đã công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện. PPDH trong CTDH ngành Triết học được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập cho SV, thảo luận, seminar, thực hành và thực tế.

PPDH của từng học phần được thể hiện trong ĐCCT học phần. Loại hình KTĐG gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... PPDH, KTĐG của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà

trường đã 02 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các BLQ, tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, ĐCHP trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các PP KTĐG tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

#### *(4) PP tiếp cận trong dạy và học*

Nhà trường đã ban hành văn bản chính thức công bố triết lý giáo dục gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển và phổ biến rộng rãi đến các BLQ thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

CTDH ngành Triết học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành Triết học được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành Triết học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Các ĐCHP ban hành năm 2020 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các PPGD đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR.

#### *(5) Đánh giá KQHT của người học*

Trường có đầy đủ các quy định về KTĐG KQHT của SV, được điều chỉnh, cập nhật và chính thức hóa. Các PP, công cụ KTĐG về cơ bản được đa dạng hóa nhằm đánh giá các học phần ở mức độ đạt được các CĐR. Trường cũng có quy định về phúc tra, bảo đảm sự hài lòng của SV với kết quả KTĐG.

#### *(6) Đội ngũ GV*

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV: CLPT Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển HVBCCTT đến năm 2035, tầm nhìn 2050; Kế hoạch phát triển đội

ngũ CCVC giai đoạn 2019-2023, định hướng đến năm 2030; Đề án vị trí việc làm,... Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ.

Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt từ việc ban hành các văn bản đến triển khai và công bố kết quả tuyển dụng. Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đa chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH và đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa Triết học đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 22 đề tài cấp cơ sở; công bố 04 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 43 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, xuất bản 25 sách chuyên khảo.

Học viện và Khoa đã thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

#### *(7) Đội ngũ NV*

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể CB, GV và NV.



Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa Triết học còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

#### *(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn ... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành Triết học như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học

viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGD Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành Triết học được Phòng CTCT&HTSV, Khoa và Học viện đặc biệt quan tâm như liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp, việc làm.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa Triết học đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVN để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của CBVC HVBC&TT... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng.

Học viện đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

#### *(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa Triết học có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16.989 đầu sách với 114.260 bản sách; 1.908 đề tài NCKH với 2.576 bản; 4.380 luận văn với 4.500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành Triết học được bổ sung: năm 2016: 71 đầu sách với 699 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 698 bản; năm 2018: 77 đầu sách với 367 bản; năm 2019: 90 đầu sách với 531 bản và năm 2020: 48 đầu sách với 215 bản; Tháng 10 năm 2021: 101 đầu sách với 736 bản. Ngành Triết học có 277 tài liệu số.

Khoa Triết học có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa.

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm QLĐT (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul QLKH; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong giai đoạn đánh giá Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Học viện có khoảng 40% diện dành cho cây xanh và môi trường.

*(10) Nâng cao chất lượng*

HVBC&TT đã thành lập mạng lưới BĐCL bên trong, xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng;

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPĐH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR;

Khoa Triết học đã thực hiện nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

#### *(11) Kết quả đầu ra*

Học viện có Ban QLĐT chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê cập nhật, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Triết học. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 20,2%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình của 03 khoá là 4,14 năm. Trung bình Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 76,1%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp; có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 86,9%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 31,3% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng.

Học viện đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác.

Học viện đã ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của SV, GV, cán bộ NV, nhà SDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

### ***3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến của CTĐT Triết học***

#### ***(1) Mục tiêu và CDR của CTĐT***

Nhà trường và Khoa Triết học cần tăng cường thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT;

Nên tăng cường thu thập thông tin phản hồi của các BLQ khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT.

Thực hiện khảo sát nhu cầu các bên có liên quan và tập trung hơn vào các đối tượng quan trọng là thị trường lao động.

#### ***(2) Bản mô tả CTĐT***

Học viện và Khoa Triết học cần rà soát lại CTĐT theo quy định 2 năm/lần; triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo sát với nhu cầu xã hội.

Khoa Triết học nên có kế hoạch để bổ sung vào Bản mô tả CTĐT phiên bản 2020 đầy đủ các thông tin chi tiết như học phần tiên quyết để giúp các BLQ biết, hiểu để thực hiện và giám sát.

Khoa cần có biện pháp hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng kế hoạch và biện pháp phù hợp với điều kiện cá nhân nhằm tối ưu hoá quá trình học tập.

#### ***(3) Cấu trúc và nội dung CTDH***

Học viện/Khoa cần tổ chức các seminar/ sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu để hướng dẫn, trao đổi cho đội ngũ GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá trong CTDH để hướng tới đạt được CDR của CT.

Cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG của các học phần với CDR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CDR.

Khoa Triết học cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần và CTĐT. Đồng thời tiến hành nghiệm thu đề cương ở bộ môn trước khi đưa vào sử dụng.

*(4) PP tiếp cận trong dạy và học*

Học viện cần có văn bản chính thức công bố về triết lý giáo dục; cần thực hiện phổ biến Triết lý giáo dục của Học viện, Khoa đến các BLQ.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu để đưa ra những giải pháp phù hợp để tăng tính hiệu quả tổ hợp các PP dạy và học đang được sử dụng hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.

Trường và Khoa Triết học cần tăng cường bố trí các nguồn lực như: đội ngũ GV, kinh phí, tài liệu nghiên cứu,... để tăng cường tỷ lệ SV NCKH tùy khả năng và nguyện vọng.

Khoa cần tổ chức Hội thảo tập huấn về sử dụng công nghệ/PP đào tạo mới cho đội ngũ GV.

*(5) Đánh giá KQHT của người học*

Học viện/Khoa nên nghiên cứu để ban hành thang rubrics hướng dẫn việc đánh giá để đảm bảo việc thiết kế các câu hỏi thi/các đề thi có độ chính xác cao đo lường được mức độ đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT.

Cần rà soát phiếu khảo sát về kiểm tra đánh giá và hoạt động giảng dạy, tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá.

Học viện và Khoa cần chấn chỉnh công tác kiểm tra, đánh giá học phần ở khâu chấm thi cũng như việc quản lý, công tác hậu kiểm. Thực hiện phân tích phổ điểm nhằm rút kinh nghiệm đối với từng GV ra đề thi học phần ngay sau mỗi kỳ thi.

Học viện cần tích hợp thêm nội dung khảo sát về mức độ hài lòng của sinh viên về việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học và nên được sử dụng làm cơ sở cho những điều chỉnh và đề xuất tiếp theo về đề thi và KTĐG sau này.

*(6) Đội ngũ GV*

Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội

ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành Triết học, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến; chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH, làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV, trong đó, có quy định rõ ràng các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ, quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực.

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

#### *(7) Đội ngũ NV*

Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm. Học viện/Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ NV, quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại.

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tổ chức, Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phát triển CTĐT.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua, nên cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế, khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ NV.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá.

#### *(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách chặt chẽ bài bản.

Học viện/Khoa Triết học, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ người học nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa Triết học cần có kế hoạch thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ người học của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa Triết học cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với người học.

Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung nguồn nhân lực phù hợp cho bộ phận y tế.

#### *(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và tài liệu học tập cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành Triết học nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập



nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa Triết học cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng.

#### *(10) Nâng cao chất lượng*

Học viện cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác ĐBCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG... để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CDR của học phần với CDR của CTĐT.

Cần tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

Cần chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

#### *(11) Kết quả đầu ra*

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về Tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, Tỷ lệ SV thôi học, Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các

tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học. Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát nhà SDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn.

Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV.

Nhà trường cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

### TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CDR CỦA CTĐT

*Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.*

#### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.1

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là Trường Đại học. Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT trình độ đại học ngành Triết học được ban hành năm 2016, 2018 và năm 2020 đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung của CTĐT năm 2020 của Khoa Triết học xác định: “Đào tạo cử nhân triết học có năng lực giảng dạy và nghiên cứu triết học, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có thể giới quan duy vật và PP luận biện chứng duy vật, có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; hiểu được các nội dung lý luận về quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng học tập suốt đời”. Trên cơ sở mục tiêu chung, CTĐT xác định 17 mục tiêu cụ thể, về kiến thức như; về kỹ năng; về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

HVBC&TT đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, đã tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng của Học viện mình. Khi xây dựng CTĐT Triết học, Khoa Triết học đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của GV, SV, cựu SV và NSDLĐ. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Học

viện. Năm 2018 và 2020, Khoa Triết học rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT, trong đó CTĐT năm 2018 và 2020 đã tiến hành khảo sát và thu thập các ý kiến các BLQ. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Học viện là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” và phù hợp với tầm nhìn của Học viện đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành: Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050”.

CTĐT ngành Triết học ban hành năm 2018, 2020 có mục tiêu đào tạo người học khá toàn diện về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống và làm việc, năng lực nghiên cứu và khả năng học tập nâng cao trình độ... Nhìn chung, các mục tiêu của CTĐT đều phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại mục b khoản 2 Điều 5 Luật giáo dục đại học 2012 là “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, Học viện cũng đã thực hiện đúng chính sách của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giáo dục phổ thông mới và khung năng lực trình độ quốc gia.

Mục tiêu CTĐT ngành Triết học đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 1, điều 5 trong Luật GDĐH năm 2012, Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 và Khung trình độ quốc gia (Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016), trình độ tin học (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông) và ngoại ngữ (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

## *2. Tôn tại của tiêu chí 1.1*

Khi rà soát, điều chỉnh mục tiêu và CDR của CTĐT, Học viện/Khoa còn hạn chế trong việc lấy ý kiến các BLQ về (05 nhà khoa học; 15 NSDLĐ), khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT năm 2020 (15 phiếu).

### 3. Những lĩnh vực cần cải tiến của tiêu chí 1.1:

Học viện và Khoa Triết học nên triển khai định kỳ khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ trong rà soát, điều chỉnh mục tiêu và CĐR của CTĐT.

### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.1

(Không có).

### 5. Đánh giá tiêu chí 1.1 đạt mức: 4/7

**Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

#### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành Triết học được công bố trong QĐ số 4948/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 26/10/2018 của Giám đốc HVBC & TT gồm 19 CĐR, bao gồm các CĐR về kiến thức như: kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức nền tảng (cơ sở ngành), kiến thức chuyên ngành; CĐR về kỹ năng bao gồm: các kỹ năng tư duy và thực hành nghề nghiệp; CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể: 10 CĐR về kiến thức; 06 CĐR về kỹ năng; 03 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. CTĐT năm 2020 được ban hành theo Hướng dẫn số 5621/ HD-HVBCTT và Quyết định số 3906/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/09/2020 của Giám đốc HVBC & TT gồm 17 CĐR, bao gồm: 08 CĐR về kiến thức; 07 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, bám sát mục tiêu của CTĐT. CĐR về ngoại ngữ và CĐR về tin học của CTĐT đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014 và Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 phù hợp với yêu cầu ở trình độ đại học. CĐR của CTĐT ngành Triết học được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện và đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành (QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) đối với bậc GDDH.

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, mô tả cụ thể, đảm bảo đo lường, đánh giá được các mức độ cần đạt của người học sau khi tốt. Quy trình xây dựng CĐR này phù hợp với Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT.

Đồng thời, Khoa Triết học đã xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện mức độ đóng góp của học phần đến CĐR của CTĐT. Mặt khác, đề cương chi tiết các

học phần cũng đều có CDR để đảm bảo tất cả các CDR được thực hiện và không có học phần “thừa, lặp” trong CTĐT, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình của CTĐT.

Khoa Triết học đã có kế hoạch và triển khai khảo sát, lấy ý kiến các BLQ bao gồm, cựu SV, GV, NSDLĐ. Đồng thời, Khoa đã thực hiện đối sánh với một số CDR của một số trường như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội) và ĐH Essex University, nước Anh.

#### *2. Tôn tại của tiêu chí 1.2*

Việc thực hiện đối sánh CDR các CSGD ĐH khác để xây dựng CDR của ngành Triết học còn ít (01 trong nước và 01 nước ngoài).

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.2:*

Học viện và Khoa Triết học cần tăng cường tham khảo, đối sánh CDR của các Trường Đại học có uy tín trong nước và thế giới trong quá trình rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT Triết học của Nhà trường.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.2*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 1.2 đạt mức: 4 /7.*

***Tiêu chí 1.3: CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.3*

Từ minh chứng và thông qua phỏng vấn các BLQ cho thấy, quá trình xây dựng và rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT Khoa và học viện đã áp dụng và thực hiện tốt theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT. CDR của CTĐT ngành Triết học phản ánh được yêu cầu của các BLQ thông qua việc tham khảo ý kiến khảo sát các BLQ khi xây dựng, đổi mới CDR.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường và Khoa Triết học đã có 02 lần rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT vào các năm 2018 và 2020 (các QĐ số 4948-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018; số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). CDR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

Việc xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT có sự tham gia và đóng góp ý kiến các BLQ như nhà quản lý, các nhà khoa học, GV, NSDLĐ, cựu SV (Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ các năm 2018, 2019 và 2020). Các khảo sát đã đề cập đến việc đánh giá CĐR hiện có và đề xuất yêu cầu điều chỉnh CĐR, yêu cầu đối với năng lực nghề nghiệp phẩm chất đạo đức của SV tốt nghiệp... Các ý kiến, các đề xuất, các yêu cầu thu được từ khảo sát đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của sự CTĐT.

Trong quá trình xây dựng CĐR và dự thảo CĐR được công bố trên website của Học viện. Đồng thời, trong quá trình đào tạo, Khoa Triết học thu thập thông tin phản hồi về CTĐT và CĐR từ các BLQ...; tham khảo sự tham khảo các CĐR các CTĐT cùng khối ngành của Trường Đại học KHXH & NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học của nước Anh; CĐR được thông qua tại Khoa, Hội đồng nghiệm thu Học viện trước khi ban hành.

CĐR của các CTĐT năm 2020, được phân bổ theo 3 phần: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đối với chuẩn ngoại ngữ phải đạt B1 khung châu Âu (tương đương 450 TOEIC hoặc 450 điểm TOEFL hoặc IELTS 4.5; chuẩn tin học: kiến thức tin học ứng dụng trình độ A. CĐR năm 2020 đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 17 CĐR.

CĐR của CTĐT ngành Triết học được công bố công khai, trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>); được thông báo trong các cuộc họp khoa; hồ sơ về CTĐT ngành Triết học và CĐR được lưu tại Khoa Triết học. Đối với người học, CĐR được công bố ở buổi sinh hoạt định hướng đầu khóa, buổi họp lớp cùng CVHT và GVCN.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 1.3*

CTĐT năm 2016 của Khoa Triết học chưa xây dựng CĐR theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư 04 năm 2016.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.3:*

Khoa triết học cần cập nhật CĐR theo đúng quy định.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 1.3 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Mục tiêu của CTĐT ngành Triết học được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong CTĐT ban hành năm 2020 mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện; đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Triết học được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT.

Trong giai đoạn 2016-2020, CTĐT ngành Triết học đã rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2018 và 2020. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu về cơ bản thể hiện sự gắn kết với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT được rà soát vào các năm 2018, 2020, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT tại phiên bản 2020 được xây dựng đúng quy định, thể hiện các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CĐR của CTĐT được phổ biến đến các BLQ, cụ thể: trang thông tin điện tử của Học viện, Sổ tay SV, trang thông tin tuyển sinh.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các BLQ khi tiến hành rà soát và cập nhật mục tiêu CĐR của CTĐT còn hạn chế.

Khoa chưa phân tích, viện dẫn các dữ liệu và thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để xác định nhu cầu thị trường.

### **+ Kiến nghị**

Nhà trường và Khoa Triết học cần tăng cường thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT; Nên tăng cường thu thập thông tin phản hồi của các BLQ khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT. Thực hiện khảo sát nhu cầu các bên có liên quan và tập trung hơn vào các đối tượng quan trọng là thị trường lao động.



Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 1	<i>Tiêu chí 1.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 1.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 1.3</i>				4				

## **TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CTĐT**

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.***

#### ***1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.1***

Sau khi HVBC&TT ban hành CTĐT ngành Triết học theo Quyết định số 3906-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020, Bản mô tả CTĐT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do HVBC&TT ban hành. Bản mô tả CTĐT được rà soát và điều chỉnh 2 năm/lần (2018, 2020). Năm 2020, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận năng lực, có sự đóng góp của các BLQ.

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT: tên CTĐT; tên văn bằng, thời gian đào tạo, mục tiêu, CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng, phương pháp đánh giá, mô tả học phần...

Khoa Triết học đã công bố bản mô tả CTĐT đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Khoa, cụ thể: Thông tin chung, mục tiêu CTĐT, CDR của CTĐT, nội dung CTĐT, ma trận CDR (ma trận các kỹ năng và mức độ giảng dạy các học phần), cách thức đánh giá KQHT, điều kiện thực hiện CTĐT, hướng dẫn thực hiện CTĐT và đề cương chi tiết các học phần

DCHP mô tả cụ thể các thông tin thông qua bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, trong đó có các quy định cụ thể về cách thức đánh giá nhằm giúp người dạy, SV thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CDR của CTĐT. Hằng năm, tiêu chí tuyển sinh được điều chỉnh các tổ hợp môn thi và điểm xét tuyển đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT đề ra.

Bản mô tả CTĐT năm 2020 so với năm 2018 không thay đổi nhiều về kết cấu; sự điều chỉnh chủ yếu ở các học phần tự chọn và ở việc bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các học phần với CDR, ma trận giữa PP dạy và học với CDR, ma trận

kết nối KTĐG với CĐR...; đã điều chỉnh mục tiêu cụ thể và CĐR; đã cập nhật trong mô tả các học phần.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 2.1*

Khoa Triết học đã triển khai thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến đóng góp của NSDLĐ còn hạn chế về số lượng.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.1*

Cần triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 2.1 đạt mức: 4/7.*

## ***Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.2*

Tất cả các học phần của CTĐT đều có ĐCHP. Các ĐCHP trong CTĐT năm 2020 đã thể hiện được một số thông tin cơ bản: (1) Thông tin về GV, (2) Thông tin chung về học phần, (3) Mục tiêu của học phần, (4) Chuẩn đầu ra, (5) Tóm tắt nội dung học phần, (6) Nội dung chi tiết và kế hoạch dạy học học phần, (7) Học liệu, (8) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, (9) Chính sách môn học, (10) Cấp phê duyệt, (11) Ngày phê duyệt.

Các ĐCHP đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CĐR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy.

Đề cương các học phần được tham khảo, tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ CTĐT ngành Triết học của Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội) và Đại học Essex của nước Anh.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 2.2*

ĐCHP các năm 2018 và 2020 chưa thể hiện rõ được những thông tin cập nhật, điều chỉnh so với phiên bản CTĐT trước đó.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.2*

Cần thể hiện rõ và đầy đủ thông tin cập nhật trong quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCHP của CTĐT, bảo đảm ĐCHP đầy đủ thông tin trước khi ban hành đưa vào sử dụng.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.2*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 2.2 đạt mức: 3/7.*

### ***Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.3*

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học sau khi được điều chỉnh, cập nhật đã được Học viện phê duyệt và ban hành (QĐ số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020; số 4969-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018). Bản mô tả CTĐT năm 2020 được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>). Bản mô tả rút gọn (không bao gồm ĐCHP) được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong Sổ tay SV. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các BLQ qua tài liệu quảng bá về Khoa, qua bài giới thiệu về ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện.

Khoa Triết học đã công bố công khai cho người học và GV nội dung của CTĐT và ĐCHP bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của HVBC&TT; sổ tay SV; các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông tại cơ sở và tại Học viện. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Học viện để cán bộ, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện.

Bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với các BLQ như cơ quan quản lý, NSDLĐ, GV, người học, cựu người học.

#### *2. Tôn tại của tiêu chí 2.3*

Kết quả phỏng vấn trực tiếp trong đợt khảo sát chính thức cho thấy, vẫn còn một số CB, GV và người học chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.3*

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/Khoa để các BLQ nắm bắt đầy đủ để thực hiện.

#### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 2.3 đạt mức: 4/7.

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các HP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các BLQ, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay Sinh viên,...

Các ĐCHP được biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2020 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2016, 2018 để phù hợp quy định cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các BLQ được xem xét trong quá trình rà soát.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Việc triển khai thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế. Trong khung CTĐT và bản mô tả CTĐT 2020 đã không nêu các học phần tiên quyết.

ĐCHP các năm 2018 và 2020 chưa thể hiện rõ được những thông tin cập nhật, điều chỉnh so với phiên bản CTĐT trước đó.

Chưa có nhiều minh chứng cho thấy Khoa có hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng chiến lược học tập phù hợp với điều kiện của cá nhân.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện và Khoa Triết học cần triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo sát với nhu cầu xã hội.

Cần thể hiện rõ và đầy đủ thông tin cập nhật trong quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCHP của CTĐT, bảo đảm ĐCHP đầy đủ thông tin trước khi ban hành đưa vào sử dụng.

Khoa cần phổ biến rộng rãi kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CĐR và Bản mô tả CTĐT trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa để các BLQ nắm bắt đầy đủ để thực hiện.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1				4				3,67
	Tiêu chí 2.2			3					
	Tiêu chí 2.3				4				

### **TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTDH**

#### ***Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR.***

##### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.1*

Khoa Triết học đã thiết kế CTDH ngành Triết học để đạt mục tiêu CDR. CTĐT ngành Triết học được thiết kế logic, thể hiện sự gắn kết giữa các khối kiến thức - kỹ năng, nội dung có tính tích hợp và cập nhật. Bảng Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và CDR của CTĐT trong CTDH thể hiện mức độ đáp ứng các CDR của các khối kiến thức (khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành), kỹ năng (kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp), năng lực tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất, ý thức).

CTDH ngành Triết học năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 3906-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020, ngày được thiết kế với khối lượng kiến thức tích lũy toàn khoá gồm 130 tín chỉ và được thiết kế với cấu trúc tương đối hợp lý giữa các khối kiến thức, trong đó bao gồm 45 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (chiếm tỷ lệ 34,6%), 18 tín chỉ cơ sở ngành (chiếm tỷ lệ 13,8%), gồm 31 tín chỉ kiến thức ngành (chiếm tỷ lệ 23,8%), 6 tín chỉ khối kiến thức bổ trợ (chiếm tỷ lệ 4,6%), 30 tín chỉ kiến thức chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 23,8%). Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CDR nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

CTDH ngành Triết học thể hiện các tổ hợp PP và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các PP có tính chất hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành và thảo luận. PP dạy - học được cụ thể hóa trong ĐCCT học phần. Trong mỗi nội dung của chương mục có đưa ra các PPDH, yêu cầu đối với SV, nội dung bài tập và thực hành, nội dung thảo luận nhóm. GV sử dụng các hình thức: thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, giao bài tập, thảo luận nhóm... Đối với SV, sử dụng các hình thức: làm bài tập, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu. Hầu hết các học phần được bố trí giảng dạy

với trình tự hợp lý, đảm bảo được tính kế tiếp và hệ thống, giúp cho SV dễ dàng tiếp thu các kiến thức theo chuỗi kế tiếp nhau.

Phương thức KTĐG KQHT cũng được cụ thể hóa trong ĐCHP, phù hợp với đặc thù của từng môn học: có đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần với các hình thức phù hợp như làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Học viện/Khoa quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CĐR của học phần và của CTĐT. Tổ hợp các PPDH, PP kiểm tra/đánh giá KQHT của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

Qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa Triết học khi thiết kế CTDH đã tiến hành tham khảo và đối sánh CTDH với trường Đại học KHXH & NV Đại học Quốc gia Hà Nội và của Đại học Essex (Anh). Nội dung CTDH được xây dựng thống nhất, đầy đủ nội dung và được phê duyệt và phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 3.1*

Học viện/Khoa chưa có các seminar/ sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu để hướng dẫn, trao đổi cho đội ngũ GV về việc sử dụng các PPGD và PP KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.1*

Học viện/Khoa cần tổ chức các seminar/ sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu để hướng dẫn, trao đổi cho đội ngũ GV về việc sử dụng các PPGD và PP KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.1*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 3.1 đạt mức: 4/7.*

### ***Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.2*

ĐCCT học phần trình bày đầy đủ các mục: thông tin chung về học phần, mô tả học phần, mục tiêu, CĐR của học phần, tài liệu, PP, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, đánh giá KQHT và thông tin GV, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. ĐCCT học phần ngành Triết học đã mô tả mục tiêu của học

phần tương đối rõ ràng về kiến thức và kỹ năng mà học phần sẽ trang bị cho SV. Tất cả các học phần đều có CĐR riêng cho gắn kết với CĐR của CTĐT ngành Triết học.

Nội dung của các học phần đều có sự tương thích với các khối kiến thức và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào thực hiện một hoặc một số CĐR của CTĐT (thể hiện trong ma trận mối tương quan giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT).

ĐCCT học phần ngành Triết học đều có quy định về PPGD, nhiệm vụ của SV và PP đánh giá KQHT của SV; có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với PPGD và PP KTĐG, cụ thể: PP dạy-học và KTĐG được phân chia tương ứng với mỗi CĐR của học phần. KQHT của SV được đánh giá qua điểm thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ với tỷ trọng xác định cụ thể.

Các ĐCCT học phần phiên bản năm 2020 quy định rõ các nội dung đánh giá gồm: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...); Đánh giá định kỳ và Đánh giá kết thúc học phần. Trọng số đánh giá kết thúc học phần chiếm 60%. Trong các ĐCHP, Khoa cũng đã xây dựng ma trận kỹ năng kết nối nội dung của học phần với CĐR của học phần, theo đó sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT được xác định.

Hàng năm, Khoa Triết học đã triển khai và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, cụ thể: ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học để cải tiến, điều chỉnh và hoàn thiện CTDH ngành Triết học.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 3.2*

Khoa Triết học chưa thật quan tâm đến việc thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần,

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.2*

Cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 3.2 đạt mức: 4/7.*

**Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

**1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.3**

CTDH của ngành Triết học có cấu trúc, trình tự tương đối logic gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, Ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT, PP dạy học, PP KTĐG, nội dung chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo.

Các học phần trong CTDH ngành Triết học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về cơ bản là hợp lý. CTDH ngành Triết học năm 2020 được thiết kế tổng cộng 130 tín chỉ và được thiết kế với cấu trúc tương đối hợp lý giữa các khối kiến thức, trong đó bao gồm 45 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (chiếm tỷ lệ 34,6%), 18 tín chỉ cơ sở ngành (chiếm tỷ lệ 13,8%), gồm 31 tín chỉ kiến thức ngành (chiếm tỷ lệ 23,8%), 6 tín chỉ khối kiến thức bổ trợ (chiếm tỷ lệ 4,6%), 30 tín chỉ kiến thức chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 23,8%).

Các học phần trong CTDH ngành Triết học được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở các khung CTĐT không quy định cụ thể các môn học tiên quyết, nhưng kế hoạch giảng dạy và ĐCHP có thể hiện các học phần học trước, đảm bảo trình tự hợp lý của các học phần, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. Nhiều GV trong Khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Từ năm 2018, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CĐR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và



kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

Hàng năm, Học viện và Khoa Triết học đã triển khai lấy ý kiến của người dạy, người học, NV và NSDLĐ về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Ngoài ra, còn có những nhận xét chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành Triết học hệ đại học.

Khoa đã tổ chức thời tiến hành rà soát, cải tiến theo ý kiến đóng góp của chuyên gia; thông qua hội đồng Khoa; Hội đồng khoa học Học viện để xem xét, tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện CTDH.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 3.3*

Việc lấy ý kiến góp ý của các BLQ về CTDH còn hạn chế.

Theo kết quả phỏng vấn đôi ngũ GV, Khoa/Bộ môn chưa tiến hành nghiệm thu đề cương ở bộ môn trước khi đưa vào sử dụng.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.3*

Khoa triết cần thực hiện lấy ý kiến góp ý của các BLQ về CTDH đầy đủ cập nhật hơn.

Cần tiến hành nghiệm thu đề cương ở bộ môn trước khi đưa vào sử dụng.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.3*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 3.3 đạt mức: 4/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

CTDH ngành Triết học phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 130 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành Triết học có tỷ lệ hợp 45 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (34,6%), cơ sở ngành (13,8 %), kiến thức ngành (23,8%), kiến thức bổ trợ (4,6%), kiến thức chuyên ngành (23,8%).

Bản mô tả CTDH, ĐCHP được rà soát, cập nhật và được công khai dưới nhiều hình thức, cụ thể Khoa Triết học đã công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện. PPDH trong CTDH ngành Triết học được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo

đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, semina, thực hành và thực tế.

PPDH của từng học phần được thể hiện trong ĐCHP. Loại hình KTĐG gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... PPDH, KTĐG của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã 02 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các bên liên quan, tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, đề cương chi tiết học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các PP KTĐG tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện/Khoa chưa có các seminar/ sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu để hướng dẫn, trao đổi cho đội ngũ GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

Ma trận kết nối giữa PPGD, PP KTĐG của các học phần với CĐR của CTĐT còn đơn giản, chưa thể hiện được mức độ đóng góp của từng học phần cụ thể vào việc đạt được các kỹ năng cần thiết.

Khoa Triết học chưa thật quan tâm đến việc thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần. Việc đưa đề cương vào sử dụng chưa được nghiệm thu đúng quy định.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện/Khoa cần tổ chức các seminar/ sinh hoạt chuyên đề chuyên sâu để hướng dẫn, trao đổi cho đội ngũ GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

Cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG của các học phần với CĐR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CĐR.

Khoa Triết học cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần và CTĐT. Đồng thời tiến hành nghiệm thu đề cương ở bộ môn trước khi đưa vào sử dụng.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 3	<i>Tiêu chí 3.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 3.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 3.3</i>				4				

#### **TIÊU CHUẨN 4: PP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC**

***Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.***

##### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.1*

Mục tiêu giáo dục của Học viện gắn với chiến lược phát triển của Học viện được ban hành theo QĐ số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2018 đó là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”. Trên cơ sở đó Khoa Triết học đã đề cập triết lý giáo dục của mình theo phương châm đào tạo người học toàn diện cả chuyên môn và đạo đức.

Mục tiêu giáo dục thông qua chiến lược phát triển của Học viện được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: trên Website của Học viện và đã tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành trong các buổi gặp mặt đầu khóa, trong các buổi tổng kết lớp, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ Triết học. Cụ thể hóa trong mục tiêu của Khoa Triết học, thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCHP và các hoạt động khác.

Mục tiêu giáo dục gắn với chiến lược của Học viện được phổ biến, quán triệt cho SV năm thứ nhất trong tuần “Giáo dục công dân” vào đầu năm học mới hoặc qua các kênh hỗ trợ như: Đoàn Thanh niên, Hội SV, cố vấn học tập. Để giúp các BLQ, đặc biệt các BLQ ngoài Học viện biết về mục tiêu g, Học viện và Khoa đã gửi phiếu xin ý kiến góp ý của các BLQ.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 4.1*

Học viện chưa có tuyên bố chính thức Triết lý giáo dục của Nhà trường.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.1*

Học viện và Khoa Triết cần có văn bản chính thức công bố về triết lý giáo dục. Cần chú trọng công tác phổ triết lý giáo dục của Học viện, Khoa đến đầy đủ các BLQ.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.1*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 4.1 đạt mức: 3/7.*

## ***Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.2*

Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành Triết học được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành Triết học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Các ĐCHP và Bản mô tả CTĐT ngành Triết học được ban hành năm 2020 đã thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học/PPGD đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CDR. Qua phỏng vấn SV, cựu SV, GV của CTĐT và nghiên cứu các minh chứng cho thấy các hoạt động dạy và học có hình thức đa dạng, phong phú, hướng tới CDR của CTĐT.

Học viện và Khoa Triết học đã tổ chức hội thảo liên quan đến việc thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy để trao dồi kiến thức, cải tiến các vấn đề bất cập. Tất cả ĐCHP của CTDH ngành Triết học thể hiện được nội dung thảo luận, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, bài tập lớn, thực hành, thực tập, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời, lòng yêu nghề cho người học. Khi xây dựng, thiết kế CTDH và ĐCHP, Khoa Triết học đã chú ý đến phân mô tả các PP và hình thức dạy học theo hướng đa dạng hóa như: thuyết trình,, seminar, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, thực tế, thực tập sư phạm, hướng dẫn NCKH. Mặt khác, các GV hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các PP nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kỹ năng cần thiết để đạt CDR đã ban hành. Các thang đo năng lực được xác định tương ứng với các CDR, trên cơ sở đó, ĐCCT xác định các hình

thức, hoạt động dạy và học tương ứng, cụ thể: với các cấp độ CDR ở mức hiểu biết, các hoạt động dạy học có thể bao gồm thuyết trình, trình chiếu; với CDR ở mức độ phân tích, tổng hợp các hoạt động nhận diện và giải quyết vấn đề; các hoạt động dạy học vận não, giúp SV đạt được các CDR yêu cầu về năng lực vận dụng hoặc sáng tạo.

Ngoài ra, trong các đề cương chi tiết học phần còn có các quy định/hướng dẫn rõ các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài; thực hiện các chuyến đi thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng học phần cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Học viện/Khoa đã khảo sát sự hài lòng của GV và người học về hoạt động/PP giảng dạy và học tập của giảng viên và SV. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của Khoa cho thấy tỷ lệ người học hài lòng về các PP dạy và học ở các học phần đã, đang được triển khai tại Khoa trong các năm 2019, 2020 kết quả khảo sát 51 SV của CTĐT trước khi tốt nghiệp cho thấy có 85,75% ý kiến hoàn toàn hài lòng với câu hỏi “các môn học trong chương trình được sắp xếp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức kỹ năng”; có 96,5% ý kiến hoàn toàn hài lòng với nhận định “Tổ hợp phương pháp – dạy học đa dạng giúp đạt CDR.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 4.2*

Hàng năm vẫn còn một tỷ lệ nhỏ người học còn phân vân với tính hiệu quả của tổ hợp phương pháp – dạy học trong chương trình đa dạng giúp đạt CDR, ví dụ: năm 2019 có 59,1%, năm 2020 có 55%.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.2*

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu để đưa ra những giải pháp phù hợp để tăng tính hiệu quả tổ hợp các PP dạy và học đang được sử dụng hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.2*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 4.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.3*

Học viện đã ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR (HD số 2663/HD/HVBC&TT ngày 09/07/2020), theo đó, các hoạt động dạy và học trong các đề cương học phần của CTĐT ngành Triết học đều được thiết kế hướng đến đạt được các kỹ năng trong CĐR.

Trong ĐCHP của CTDH ngành Triết học có ma trận liên kết giữa CĐR, PPDH và KTĐG kèm bản mô tả PP KTĐG ứng với các chương mục cụ thể của nội dung HP. Với mỗi CĐR của HP đều có hoạt động tổ chức dạy và học tương ứng, trong đó đã mô tả hình thức giảng dạy khá chi tiết như thuyết trình, đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận nhóm, báo cáo thực tập,... Hoạt động học tập của SV cũng được mô tả trong ĐCHP. Hoạt động tự học và thảo luận nhóm được quan tâm ở hầu hết các HP, trong mỗi chương đều có phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành và tự học, ứng với mỗi CĐR đều có hoạt động học tập tương thích.

Tất cả các ĐCHP đều có mục hướng dẫn cho SV tự học, trong đó ở mỗi nội dung của HP đều có hướng dẫn cho SV đọc tài liệu. Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến, các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của SV khóa trước giúp cho SV khóa sau được bổ sung kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết ngoài sách vở và GV trên lớp. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau (NCKH SV; hoạt động ngoại khóa chuyên môn như: hội thảo, tọa đàm khoa học,...), góp phần thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, một số SV có cơ hội NCKH để phát triển hơn khả năng tự nghiên cứu của bản thân. Trước khi bắt đầu giảng dạy mỗi HP, các GV đều chủ động thông báo kế hoạch giảng dạy tới SV để SV có thể chủ động trong học tập và được đánh giá bằng một điểm quá trình. Tự học, tự nghiên cứu giúp SV chủ động học tập suốt đời, rèn luyện cho SV thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, sáng tạo, tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống. Ngoài ra, thư viện của Trường có nguồn sách phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV tham khảo, nghiên cứu và tự học.

Cuối mỗi học kỳ, Học viện triển khai khảo sát và báo cáo tổng hợp dữ liệu kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Qua phỏng vấn cựu SV cho thấy, hầu hết các GV đều được đánh giá là có PP sư phạm tốt, áp dụng nhiều PPGD khác.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 4.3*

Qua phỏng vấn cho thấy, một số giảng viên của Khoa vẫn còn gặp khó khăn nhất định khi sử dụng công nghệ/phương pháp đào tạo mới.

### 3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.3

Khoa cần tổ chức Hội thảo tập huấn về sử dụng CNTT/PPGD, PPDH mới cho đội ngũ GV, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ trong dạy học.

### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.3

(Không có).

### 5. Đánh giá tiêu chí 4.3 đạt mức: 4/7

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Nhà trường đã ban hành văn bản chính thức công bố triết lý giáo dục gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển và phổ biến rộng rãi đến các BLQ thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

CTDH ngành Triết học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành Triết học được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành Triết học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Đề cương các HP ban hành năm 2020 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các PPGD đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CDR.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện chưa có tuyên bố chính thức Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Hàng năm vẫn còn một tỷ lệ nhỏ người học còn phân vân với tính hiệu quả của tổ phương pháp – dạy học trong chương trình đa dạng giúp đạt CDR, ví dụ: năm 2019 có 59,1%, năm 2020 có 55%.

Số lượng SV tham gia NCKH còn ít, nên mục tiêu nâng cao được khả năng học tập suốt đời của người học còn hạn chế. Bên cạnh một số giảng viên của Khoa vẫn còn gặp khó khăn nhất định khi sử dụng công nghệ/phương pháp đào tạo mới.

**+ Kiến nghị**

Học viện và Khoa Triết cần có văn bản chính thức công bố về triết lý giáo dục. Cần chú trọng công tác phổ triết lý giáo dục của Học viện, Khoa đến đầy đủ các BLQ.

Học viện/Khoa cần nghiên cứu để đưa ra những giải pháp phù hợp để tăng tính hiệu quả tổ hợp các PP dạy và học đang được sử dụng hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.

Khoa cần tổ chức Hội thảo tập huấn về sử dụng CNTT/PPGD, PPDH mới cho đội ngũ GV, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 4.1			3					3,67
	Tiêu chí 4.2				4				
	Tiêu chí 4.3				4				

**TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA NGƯỜI HỌC**

*Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.*

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.1*

Học viện xây dựng hệ thống văn bản quy định việc KTĐG KQHT của người học, bao gồm: Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017); Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần (HD số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020); Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020); Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định phúc khảo bài thi học phần (QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 09/3/2018)... Các văn bản đã cho biết rõ quy trình,



phương thức, kế hoạch tổ chức KTĐG KQHT của người học và được phổ biến, công khai cho người học. Khi trúng tuyển nhập học, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về CĐR của CTĐT, quy định về KTĐG trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV. Đối với từng học phần khác nhau, GV thông báo cho SV quy định về việc đánh giá người học.

Ngoài ra, các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các ĐCHP: Đánh giá ý thức học tập 10%; Đánh giá định kỳ 30% và thi hết học phần 60%. Đánh giá KQHT của SV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ ngay từ năm thứ nhất và áp dụng đối với tất cả các học phần.

Các ĐCHP trong CTĐT ngành Triết học nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. PP KTĐG trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận đối với đánh giá cuối kì và được quy định trong các ĐCHP. Các học phần đều có ngân hàng đề thi bao gồm trắc nghiệm và tự luận. CTĐT Triết học đã thể hiện việc sử dụng tổ hợp các PP KTĐG phù hợp với đặc điểm của từng học phần (lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp), xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thực hành, thực tập, tiểu luận... ĐCHP từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, điểm bài tập/kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ để đo lường được mức độ đạt CĐR, được xác định trong CĐR học phần và CĐR của CTĐT.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.1*

Học viện/Khoa chưa có quy định và ban hành hướng dẫn sử dụng thang rubrics để đánh giá học phần, đặc biệt bài tập lớn, tiểu luận, thuyết trình, thảo luận, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.1*

Học viện/Khoa nên nghiên cứu để ban hành thang rubrics hướng dẫn việc đánh giá thông qua bài tập lớn, tiểu luận, thuyết trình, thảo luận, chuyên đề thực tế, đóng vai... để đảm bảo việc thiết kế các câu hỏi thi/các đề thi có độ chính xác cao đo lường được mức độ đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.1*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 5.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

***1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.2***

Hệ thống các văn bản quy định về KTĐG của Học viện như: Đề án tuyển sinh hằng năm, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện, Quy định về công tác khảo thí, Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần, Đề cương học phần, Quy định phúc khảo bài thi học phần, Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp... đã xác định rõ về thời gian thi, với hình thức, PP, tiêu chí, trọng số... và các nội dung liên quan liên quan đến đánh giá KQHT của người học từ khâu tuyển sinh, đánh giá quá trình học tập.

Học viện đã ban hành quy định về công tác tổ chức thi, KTĐG và quản lý KQHT trong đào tạo, cụ thể: Quyết định số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017 và Quyết định số 3777/ QĐ HVBCCTT-ĐT về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Học viện và Khoa triển khai, thông báo công khai tới SV. Đối với từng học phần cụ thể, việc KTĐG được nêu trong ĐCHP. Học viện có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết.

Quy trình tổ chức thi được quy định tại Quyết định số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017. Quy định trong các văn bản đã chỉ rõ, với hình thức thi tự luận kết thúc các học phần có thời lượng 2 tín chỉ là 90 phút, có thời lượng 3 tín chỉ 120 phút, từ 4 tín chỉ trở lên là 180 phút; hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, thuyết trình, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên; KQHT của SV được tính dựa trên các điểm đánh giá thành phần, bao gồm: điểm chuyên cần (trọng số 10%), đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập (trọng số 30%), điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%).... GV có trách nhiệm công bố điểm chuyên cần và điểm thường xuyên ngay khi kết thúc học phần; Học viện/Khoa có trách nhiệm công bố điểm kết thúc học phần và điểm học phần trên phần mềm QLĐT.

Đối với việc phúc khảo bài thi, theo quy định trong vòng 15 ngày sau khi công bố kết quả thi, người dự thi có quyền gửi đơn về Trung tâm KT&ĐBCLĐT khiếu nại về kết quả, sau 9 ngày, KT&ĐBCLĐT phối hợp với Khoa tổ chức kiểm tra quy trình chấm thi và thông báo kết quả tới SV. Các vấn đề liên quan đến khiếu nại về điểm của SV được giải quyết kịp thời. Kết quả phỏng vấn SV và nghiên cứu ý kiến phản hồi từ người học cho thấy hình thức và PP KTĐG học phần được GV thông báo rõ ràng; phần lớn SV đánh giá hình thức, nội dung, thời gian kiểm tra và các tiêu chí đánh giá đều đáp ứng yêu cầu, người học được cung cấp đầy đủ thông tin.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp nghiệp năm 2019, 2020 cho thấy, tỷ lệ SV cơ bản hài lòng, hoàn toàn hài lòng với nhận định câu hỏi: “Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá” và “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập” trên 90%.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.2*

Học viện chưa tổ chức tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG để phục vụ nâng cao hiệu quả KTĐG nói riêng và công tác khác nói chung.

Phiếu khảo sát về KTĐG và hoạt động giảng dạy câu hỏi trùng lặp, ví dụ: “Quá trình KTĐG KQHT của SV khách quan, công bằng”.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.2*

Học viện cần tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Cần rà soát phiếu khảo sát về KTĐG và hoạt động giảng dạy để loại bỏ những câu hỏi trùng lặp.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 5.3: PP đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.3*

Học viện đã chú trọng thiết kế trọng số điểm đảm bảo đánh giá đồng đều cả quá trình học tập và đánh giá kết thúc học phần. Trong số điểm đánh giá thường xuyên chiếm

40% trọng số chung, trong đó bao gồm: 10% chuyên cần và thái độ học tập, 30% điểm thi giữ kỳ. Điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60%.

Hình thức thi và kiểm tra được thực hiện theo quy định trong ĐCHP của CTĐT ngành Triết học. Các PP KTĐG ý thức SV, hồ sơ SV được GV sử dụng tương đối phong phú, gồm giao bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, vấn đáp...

Cuối mỗi học kỳ, Học viện tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Trung tâm ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho Khoa Triết học tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi thực hiện theo đúng quy chế. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. KQHT của SV được nhập và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo. Ngoài ra, cuối mỗi học kỳ, Học viện tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV qua đó xác định PP và quy trình KTĐG đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.3*

Nhà trường/Khoa chưa tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc học phần. Việc phân tích phổ điểm thi kết thúc học phần hằng năm của Học viện và của Khoa để GV rút kinh nghiệm trong việc ra đề thi ở các kỳ thi sau chưa được thực hiện hiệu quả.

Qua khảo sát hồ sơ, Đoàn ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên bài thi 04 học phần năm học 2020-2021 cho thấy: trong 4 học phần thi theo hình thức tiểu luận, tất cả 4 học phần GV chấm và ghi điểm trên bìa tiểu luận, không có đầy đủ chữ ký của 02 GV, việc chấm bài không có đáp án, không có rubric đánh giá... (học phần Dân chủ và đổi mới HTCT; Các vấn đề triết học về toàn cầu hóa; Chủ nghĩa Mác - Lênin ở phương Tây; Lịch sử Triết học phương Đông). Đối với 01 học phần thi theo hình thức vấn đáp: Chuyên đề chủ nghĩa Duy vật lịch sử 14/27 SV câu hỏi không có đáp án.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.3*

Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của PP đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến PP đánh giá và công tác ra đề; cần tiến hành tổng kết, đánh giá việc phân tích

phổ điểm nhằm rút kinh nghiệm đối với từng GV ra đề thi học phần ngay sau mỗi kỳ thi để tạo ra được sự thay đổi tích cực trong công tác ra đề.

Học viện và Khoa cần rà soát, điều chỉnh công tác KTĐG học phần ở khâu chấm thi cũng như việc quản lý, công tác hậu kiểm... đảm bảo tính khách quan, công bằng đúng quy định cho việc đánh giá người học.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.3*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 5.3 đạt mức: 3/7*

***Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.4*

Nhà trường đã có văn bản quy định về việc công bố kết quả KTĐG cho SV. Quy định công bố KQHT của SV được thể hiện trong QĐ số 2989/QĐ-HVBCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017 và QĐ số 3777/QĐ HVBCTT-ĐT về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT. Các văn bản này quy định đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 15 ngày sau khi thi kết quả thi sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm QLĐT. SV đăng nhập vào phần mềm theo tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá học phần của mình. Việc công bố điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm bài tập...) được GV phụ trách học phần công bố ở buổi học cuối cùng của học phần. Các học phần thi vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp SV biết kết quả ngay sau buổi thi.

KQHT được công bố công thông tin SV, tại các cuộc họp lớp hoặc thông qua hệ thống cố vấn học tập, đối thoại với BGD Học viện qua các năm.

Học viện/Khoa đã định kỳ thực hiện tổng kết rút kinh nghiệm sau mỗi học kỳ, theo đó, công tác thi học phần từ khâu: làm lịch thi, đề thi, coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, tiếp nhận phản hồi thắc mắc của người học được hân tích đánh giá.

*2. Tồn tại của tiêu chí 5.4*

Chưa có nhiều minh chứng thể hiện việc SV sử dụng các thông tin kết quả KTĐG để cải thiện việc học tập (cải thiện điểm, tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp trước hạn...).

*3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.4*

Học viện cần tích hợp thêm nội dung khảo sát về mức độ hài lòng của SV về việc công bố, phản hồi KQHT trong đánh giá học phần, trên cơ sở đó có những giải pháp cho việc cải thiện công tác này trong tương lai.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.4*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 5.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.5*

Quy định công bố KQHT của SV được thể hiện trong Quyết định số 2989/QĐ-HVBC TT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017 và Quyết định số 3777/ QĐ HVBC TT-ĐT về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT. Các quy định này được công bố công khai trên website tại địa chỉ <http://118.70.217.142:81>, Sổ tay SV, đồng thời cũng được thông báo rõ ràng tại các cuộc gặp mặt đầu khóa hay họp lớp định kỳ. Theo quy định, SV muốn xem lại bài thi thì nộp đơn cho Trung tâm KT&KĐCLĐT trong thời gian 7 ngày làm việc từ khi công bố điểm thi. Thời gian xử lý đơn phúc khảo bài thi của SV và thông báo cho SV biết kết quả chậm nhất là 15 ngày từ khi hết hạn nhận đơn phúc khảo bài thi. Đối với điểm chuyên cần và điểm quá trình SV khiếu nại trực tiếp đến GV bộ môn và được GV giải quyết ngay trong buổi học đó. Quy trình phúc khảo rõ ràng và thuận tiện cho người học.

SV của Khoa Triết học đã được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong các buổi gặp đối thoại giữa SV và BGĐ Học viện, trong các buổi sinh hoạt lớp... Bên cạnh các quy định, quy chế thi, các biểu mẫu đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đều có trong Sổ tay SV và được cung cấp đầy đủ cho SV trên website của Học viện.

Hàng năm, tỷ lệ phúc khảo của SV qua các năm học rất ít, (2016 – 2017 không có; năm học 2017- 2018 có 01 SV; năm học 2018 - 2019 có 01 SV; năm học 2019 - 2020 có 01 SV; năm học 2020 – 2021 không có), cho thấy sự hài lòng của SV về kết quả KTĐG.

*2. Tồn tại của tiêu chí 5.5*

Quy định thời gian phản hồi đơn xin phúc tra của SV là 15 ngày kể từ khi nhận đơn là khá dài, ảnh hưởng đến khả năng học cải thiện điểm của người học.

### 3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.5

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định trong Quy định phúc khảo bài thi học phần, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.5

(Không có).

### 5. Đánh giá tiêu chí 5.5 đạt mức: 4/7.

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Học viện xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong Đề cương chi tiết học phần, theo quy định và công khai đến người học.

Học viện đã ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được Học viện và Khoa triển khai, thông báo công khai tới SV. Học viện có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết.

Hình thức thi và kiểm tra được thực hiện theo quy định trong ĐCHP của CTĐT. Các PP KTĐG được GV sử dụng phong phú. Đồng thời, Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc phản hồi KQHT của SV. Việc phản hồi KQHT được quy định bằng văn bản và thực hiện công khai, đúng thời gian quy định đến GV và SV.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện/Khoa chưa có quy định và ban hành hướng dẫn sử dụng thang rubrics để đánh giá học phần, đặc biệt bài tập lớn, tiểu luận, thuyết trình, thảo luận, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp. Học viện chưa tổ chức tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá để phục vụ nâng cao hiệu quả kiểm tra đánh giá nói riêng và công tác khác nói chung.

Học viện/Khoa chưa thực hiện việc phân tích phổ điểm thi kết thúc học phần hằng năm để có căn cứ điều chỉnh ngân hàng câu hỏi thi/ngân hàng đề thi.

Quy định thời gian phản hồi đơn xin phúc tra của SV là 15 ngày kể từ khi nhận đơn là khá dài, ảnh hưởng đến khả năng học cải thiện điểm của người học.

Qua khảo sát hồ sơ, Đoàn ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên bài thi một số học phần năm học 2020-2021 cho thấy việc thực hiện các khâu chấm bài còn hạn chế: không có đầy đủ chữ ký của 02 GV; không có đáp án, không có rubric đánh giá.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện/Khoa nên nghiên cứu để ban hành thang rubrics hướng dẫn việc đánh giá để đảm bảo việc thiết kế các câu hỏi thi/các đề thi có độ chính xác cao đo lường được mức độ đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT.

Cần rà soát phiếu khảo sát về kiểm tra đánh giá và hoạt động giảng dạy, tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá.

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định trong Quy định phúc khảo bài thi học phần, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

Học viện và Khoa cần chấn chỉnh công tác kiểm tra, đánh giá học phần ở khâu chấm thi cũng như việc quản lý, công tác hậu kiểm. Thực hiện phân tích phổ điểm nhằm rút kinh nghiệm đối với từng GV ra đề thi học phần ngay sau mỗi kỳ thi.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 5	Tiêu chí 5.1				4				3,80
	Tiêu chí 5.2				4				
	Tiêu chí 5.3			3					
	Tiêu chí 5.4				4				
	Tiêu chí 5.5				4				

#### **TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GV, NGHIÊN CỨU VIÊN**

*Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.*



### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.1

Học viện đã có CLPT Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 8/7/2014); Chiến lược phát triển HVBCCTT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBCCTT, ngày 20/2/2017) và CLPT này được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBCCTT, ngày 31/12/2018. Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV, NV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đến năm 2035 và tầm nhìn 2050 đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH với các chỉ tiêu: Đến năm 2020, Tỷ lệ GV đạt 50% có trình độ TS, trong đó có 30% GS, PGS;... phấn đấu đến năm 2030 đạt Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ là 70%, Tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS là 40%. Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn 2019-2023, định hướng đến năm 2030 (KH số 1864-KH/HVBCCTT ngày 18/4/2019) xác định rõ thực hiện mục tiêu cụ thể: đến năm 2023, CB, GV đạt 30% TS, 60% ThS, Tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,14%; 25% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh; đến năm 2030, CB, GV đạt 35% TS, 65% ThS, Tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,22%; 30% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh,... Đề án vị trí việc làm (Số 6079-ĐAHVBCCTT, ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (01 vị trí GV với 232 biên chế). Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2035, tầm nhìn 2050 xác định rõ: Đến năm 2035, những GV có học vị TS sau 5 năm đạt chức danh PGS; từ năm 2020 đến 2035, mỗi Bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS/GVCC; số lượng GV từ 12-15 GV; 100 GV đạt thạc sĩ trở lên, trong đó có 5-6 PGS. 5-8 TS, 5-7 GVCC.

Học viện đã có Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBCCTT giai đoạn 2016-2020 (404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016) và Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (5949-KH/HVBCCTT ngày 21/12/2018). Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch tuyển dụng, ĐTBĐ đội ngũ GV hằng năm, đáp ứng nhu cầu của các CTĐT; đồng thời làm căn cứ xây dựng Đề án vị trí việc làm của đội ngũ CB, GV, NV.

Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện, Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hàng năm trình Giám đốc Học

viện phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm 2015, 2017 và 2020; Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm).

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng CC, VC (số 2440/QĐ-HVBCTT ngày 10/7/2014); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Việc kéo dài thời gian làm việc của các GV được Trường thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, giải quyết chế độ hưu trí, tiếp nhận GV từ nơi khác, chuyển công tác hoặc chấm dứt đối với người lao động và đều được thông báo trước với đương sự và công khai. Việc chấm dứt hợp đồng lao động, cho nghỉ hưu của CB, GV, NV; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được Nhà trường áp dụng theo Điều 36 và Điều 187 của Bộ Luật Lao động (Luật số: 10/2012/QH13); Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018); Quy định về kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn đối với GV (QĐ số 5803/QĐ-HVCTQG ngày 7/12/2017)); Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh GS, PGS; thủ tục huỷ bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm GS, PGS (QĐ số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018). Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành Triết học có 08 GV, trong đó có 05 PGS.TS (chiếm 62,5%), 01 TS (chiếm 12,5 %); 02 ThS (chiếm 25 %). Giai đoạn 2016-2021, ngành Triết học có 02 GV được bổ nhiệm GS, PGS, có 06 GV được thăng hạng chức danh nghề nghiệp, 04 GV được điều động/thuyên chuyển, 04 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 6.1*

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBCTT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn

ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm); chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Học viện chưa xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV trong các giai đoạn phát triển Học viên và kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn trước năm 2019. Các Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trưởng khoa ký là chưa phù hợp.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.1*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBCTT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCD, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 6.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.2*

Khoa Triết học hiện đang đào tạo 01 ngành Triết học trình độ ĐH. Tính đến tháng 30/8/2021, ngành Triết học có 08 GV, trong đó có 05 PGS.TS (chiếm 62,5%), 01 TS (chiếm 12,5 %); 02 ThS (chiếm 25%). Quy đổi theo quy định tại Công văn 1074/KTKĐCLGD- KĐĐH, ngày 28/06/2016 tính tỉ số FTEs của GV và SV thì năm học 2020-2021, Tỷ lệ GV/SV là 1/54; năm học 2019-2020, Tỷ lệ GV/SV là 1/62; năm học 2018-2019, Tỷ lệ GV/SV là 1/55; năm học 2017-2018 Tỷ lệ GV/SV là 1/32; năm 2016-2017 Tỷ lệ GV/SV là 1/28. Đội ngũ GV cơ hữu của Học viện đảm nhiệm tối thiểu 83,9% thời lượng CTĐT ngành Triết học theo quy định.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBCTT (QĐ số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018). Theo đó, Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ. Ngoài ra, số giờ giảng chuẩn và giờ chuẩn NCKH còn được quy định đối với từng loại chức danh GV như: GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260;... Ngoài ra, còn quy định số giờ NCKH cho từng loại sản phẩm NCKH và số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lý; quy định sản phẩm mỗi GV phải đạt được theo đúng quy định.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban QLĐT để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch ĐT; phối hợp với Ban QLKH để giao khối lượng giờ NCKH cho GV (Bảng phân công khối lượng giảng dạy/NCKH hàng năm cho từng CB, GV; Kế hoạch hàng năm học). Cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Ban QLĐT thống kê khối lượng giảng dạy và Ban QLKH thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV bằng phần mềm (bảng thống kê số giờ giảng và giờ NCKH cuối mỗi năm học và có so sánh với định mức hằng năm).

Việc quản lý, giám sát, đánh giá về khối lượng, chất lượng giảng dạy và NCKH của GV, NCV được thực hiện thông qua Khoa và Ban QLĐT, Ban QLKH và Ban Thanh tra. Việc đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của CB, GV, NV vào cuối năm học, được Học viện thực hiện ở Khoa theo hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ CCVC hằng cuối mỗi năm. Giai đoạn 2016-2021, bình quân số giờ giảng và NCKH của GV đều vượt so với định mức theo quy định<sup>1</sup>; GV ngành Triết học đã thực hiện 01 đề tài cấp

---

<sup>1</sup> Năm 2020- 2021, bình quân giờ giảng của GV là 658 giờ (vượt 303% so với định mức), là 1321 giờ NCKH (vượt 97% so với định mức). Tương tự, năm học 2016-2017, là 893 giờ giảng (vượt định mức là 592%) và 768 giờ NCKH (vượt 227% so với định mức); năm học 2017-2018, là 835 giờ giảng (vượt định mức là 512%) và 1209 giờ NCKH (vượt 246% so với định mức); năm học 2018-2019, là 596 giờ giảng (vượt định mức là 343%) và 2479 giờ NCKH (vượt 298% so với định mức); năm học 2019-2020, là 848 giờ giảng (vượt định mức là 472%) và 1087 giờ NCKH (vượt 136% so với định mức);

Nhà nước, chủ trì 01 đề tài cấp Bộ, 27 đề tài cấp cơ sở; biên soạn và xuất bản 5 sách chuyên khảo, 6 sách tham khảo, 5 sách giáo trình; công bố 19 bài báo quốc tế, 43 bài báo tạp chí khoa học trong nước và 43 báo cáo tham luận tại hội thảo (27 báo cáo tại hội thảo quốc tế và 16 báo cáo tại hội thảo trong nước).

## *2. Tôn tại của tiêu chí 6.2*

Việc quy định thống nhất cách tính Tỷ lệ GV/SV còn chưa thống nhất trong toàn Học viện. Khoa có Tỷ lệ SV/GV còn rất cao so với quy định và tăng dần hằng năm học từ 1/28 năm học 2016-2017 đến 1/62 năm học 2019-2020. Vì vậy, số giờ giảng vượt gấp 4 đến 5 lần so với định mức.

Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.2*

Học viện cần ban hành hướng dẫn cách tính Tỷ lệ GV/SV để thực hiện thống nhất trong các Khoa của Học viện.

Cần có những chính sách thu hút GV có trình độ tiến sĩ, có chức danh GS, PGS cho Khoa Triết học để đảm bảo số giờ giảng cho mỗi GV phù hợp hơn (không vượt quá cao so với định mức, gấp 4-5 lần) và đảm bảo Tỷ lệ SV/GV theo quy định.

Cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế, biên soạn và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.2*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 6.2 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.3*

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng CC, VC (số 2440/QĐ-HVBCTT ngày 10/7/2014); Đề

án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV (QĐ phê duyệt số Số 6079-ĐA/HVBC TT, 31/12/2020). Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng cả về đạo đức và năng lực); quy trình tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm. Trong giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các Khoa và năm 2016, 2017 khi có nhu cầu tuyển dụng, Học viện ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức và điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng cho phù hợp (KH số 4212/KH-HVBC&TT ngày 16/12/2015; số 1007/KH-HVBC&TT ngày 10/3/2017,...). Ngoài tiêu chí tuyển dụng chung của Trường thì Khoa còn xác định tiêu chí tuyển dụng riêng cho ngành Triết học như: Có bằng tốt nghiệp đại học loại Giỏi hoặc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Triết học; có khả năng giảng dạy và NCKH; ưu tiên ứng viên đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam; Có trình độ Lý luận chính trị từ Trung cấp trở lên.

Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng giai đoạn 2016-2020 của Trường cũng đã nêu cụ thể tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng GV đăng trên website và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Việc mời GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm được Học viện thực hiện theo Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQG HCM (Số 1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015; số 4334/QĐ-HVCTQG ngày 20/12/2016)

Việc thực hiện bổ nhiệm GV vào chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016; số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp viên chức; bổ nhiệm GS, PGS và kéo dài thời gian công tác được Học viện thực hiện theo các quy định của Luật Viên chức (số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH (số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018), Nghị định Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020); Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015). Quy trình, kết quả tuyển chọn, bổ nhiệm đều được Học viện công khai trên email, văn bản giấy, phổ biến qua cuộc họp; trên báo viết, báo nói, báo hình; trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành Triết học có 08 GV, trong đó có 05

PGS.TS (chiếm 62,5%), 01 TS (chiếm 12,5 %); 02 ThS (chiếm 25 %). Giai đoạn 2016-2021, ngành Triết học có 02 GV được bổ nhiệm GS, PGS, có 06 GV được thăng hạng chức danh nghề nghiệp, 04 GV được điều động/thuyên chuyển, 04 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.3*

Học viện/Khoa đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đội ngũ GV nhưng kết quả tuyển dụng chưa được như mong muốn, đội ngũ GV của ngành Triết học còn mỏng (08) chưa đáp ứng nhu cầu CTĐT và NCKH vì ngoài giảng dạy CTĐT Triết học, còn giảng dạy các môn lí luận chính trị của cả Trường.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.3*

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành Triết học, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến (cần điều chỉnh tiêu chuẩn cho phù hợp với từng giai đoạn); chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 6.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.4*

Một số tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ GV của Học viện được thể hiện ở các văn bản: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (Số: 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2014; Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBCTT (QĐ số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBCTT (QĐ số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25/9/2011; số 653/QĐ-HVBCTT ngày 26/12/2018). Trong đó, đã xác định một số năng lực chung của GV. Theo đó, năng lực của GV được xác định qua năng lực sư phạm:

năng lực giảng dạy, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học,...; qua năng lực NCKH: năng lực thực hiện các công trình, đề tài NCKH và công bố KH trong nước và quốc tế, viết giáo trình, sách. Việc đánh giá khối lượng công việc của GV được đánh giá dựa trên những quy định về số lượng giờ giảng, giờ NCKH và các giờ hoạt động quản lý chuyên môn khác được quy đổi ra giờ chuẩn. Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ; GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260;...

Đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH được thực hiện ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại GV. Căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; quy định chuẩn năng lực sư phạm và chuẩn kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ, tin học,... Hàng năm, Học viện/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý kiến từ người học), dự giờ theo từng học kỳ, qua kết quả ĐTBĐ năng lực của GV; (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH cuối mỗi năm học như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình,... Cuối mỗi năm học, tất cả GV đều thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ CCVC của HVBCTT hằng năm và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Tính đến 30/8/2021, 100% GV ngành Triết học có chứng chỉ NVSP và đạt chuẩn tin học và ngoại ngữ theo quy định; giai đoạn 2016 – 2021, có 9 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 26 lượt GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100 % GV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 6.4*

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo



từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.4*

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hằng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực giảng dạy, phát triển CTĐT, NCKH, PVCĐ và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 6.4 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.5*

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở Chiến lược phát triển HVBCTT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBCTT, ngày 20/2/2017) và CLPT được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBCTT, ngày 31/12/2018; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Trong đó, nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu đội ngũ GV đạt trình độ TS: “Đến năm 2030, phấn đấu 50% CB, GV đạt trình độ tiến sĩ”. Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2035, tầm nhìn 2050 xác định rõ: Đến năm 2035, những GV

có học vị TS sau 5 năm đạt chức danh PGS; từ năm 2020 đến 2035, mỗi Bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS/GVCC; số lượng GV từ 12-15 GV; 100 GV đạt thạc sĩ trở lên, trong đó có 5-6 PGS, 5-8 TS, 5-7 GVCC. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ; nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/đơn vị, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và tổ chức thực hiện ĐTBĐ (Các kế hoạch và các phiếu đăng kí nhu cầu ĐTBĐ hàng năm). Các khoá ĐTBĐ bao gồm: đào tạo nâng cao trình độ lên trình độ ThS, TS; bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, công tác KĐCL; kiến thức lý luận chính trị; ngoại ngữ, tin học.

Quy định về ĐTBĐ cán bộ, CCVC (QĐ số 1439/QĐ-HVCT-HCQG ngày 1/5/2013, 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018); văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBCT&TT (số 977/QĐ-HVBCTT ngày 2/4/2014; số 1818/QĐ-HVBCTT ngày 24/4/2018) quy định rõ nguyên tắc, hình thức, điều kiện trách nhiệm, quyền lợi, hỗ trợ kinh phí và tổ chức thực hiện việc học tập, nghiên cứu và ĐTBĐ của CB, GV, NV. Trong đó, Quy định số 367, học viện hỗ trợ 100% học phí; miễn giảm 100% giờ giảng (học tập trung) và 50% (học không tập trung), hưởng lương, và phúc lợi trong thời gian đi ĐTBĐ; NCS hoàn thành khoá học được hỗ trợ 05 triệu đồng/người; ThS hỗ trợ 03 triệu đồng/người),.... Hằng năm, Học viện tổ chức cho GV đi ĐTBĐ trên cơ sở nhu cầu ĐTBĐ của GV (đăng kí của GV). Kế hoạch được thông báo tới các đơn vị toàn Trường để triển khai thực hiện và được giám sát bởi P.TCCB và Khoa. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm (Bảng thống kê các khóa ĐTBĐ nâng cao trình độ, năng lực cho CB, GV, NV giai đoạn 2016- 2021; báo cáo kết quả ĐTBĐ hằng năm của Học viện/Khoa). Triển khai các Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ GV, giai đoạn 2016-2020, 100% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hằng năm của Trường; 100% GV có chứng chỉ NVSP, ngoại ngữ, tin học theo quy định; 01 GV được đi học nâng cao trình độ; 03 GV đi bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn; 07 GV bồi dưỡng nghiệp vụ SP (PPDH, KTĐG); 100% GV được bồi dưỡng GV lý luận chính trị; có bằng cao cấp, trung cấp lý luận chính trị; 01 GV đi bồi dưỡng được cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Từ năm học 2018-2019 trở đi, Nhà trường/Khoa đều thực hiện khảo sát sự hài lòng đối với GV về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ GV. Kết quả khảo sát cho thấy: Ví dụ năm học 2020 - 2021, khảo sát 181 GV, trong đó có 73.6% GV của Trường

(trong đó, 50% GV ngành Triết học) được hỏi hài lòng về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng GV; có 81.8% GV của Trường (trong đó, 66,7% GV ngành Triết học) hài lòng khi được ĐTBĐ phù hợp với nguyện vọng cá nhân để phát triển chuyên môn và nghiệp vụ; có 87% GV phản hồi được tham gia từ 1 đến 3 lần bồi dưỡng NVSP, tin học, ngoại ngữ; 23% GV phản hồi được tham gia từ 3 đến 5 lần. Trong đó, 100% GV của ngành Triết học được tham gia ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ trong giai đoạn 2016-2021.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.5*

Học viện chỉ có kế hoạch ĐTBĐ hằng năm mà chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021. Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.5*

Học viện/Khoa cần rà soát lại công tác ĐTBĐ giai đoạn 2016-2020 để xây dựng kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ GV giai đoạn tới (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn); tổ chức thêm các khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.5*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 6.5 đạt mức: 4/7*

***Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.6*

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ được Học viện thực hiện theo các văn bản: Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBCCTT; Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBCCTT (QĐ số 881/QĐ-HCVBCCTT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBCCTT ngày 26/12/2018); Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBCCTT; Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành

công việc của CB, GV, NV hằng năm. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu Thi đua hằng năm (Hướng dẫn các năm 2017 đến 2021) và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCN (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Trường.

Mỗi đầu năm học, các đơn vị nói chung và Khoa xây dựng kế hoạch về đào tạo và NCKH trên cơ sở định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và trên cơ sở kế hoạch cá nhân của từng GV; đồng thời các GV đăng ký danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Cuối mỗi năm học, tất cả CB, GV, NV thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, CCVC và người lao động hằng năm của HVCTQGHCN và của HVBCCT<sup>2</sup>. theo đó việc đánh giá GV được thực hiện theo 3 bước: (i) GV tự đánh giá, xếp loại (ii) Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để đánh giá; (iii) Trường đơn vị quyết định đánh giá, phân loại; (iv) Hội đồng TD-KT Học viện đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV được sử dụng làm cơ sở để xét thi đua, khen thưởng, tính tiền lương bổ sung; bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch DTBD hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch và được giám sát bởi Ban TCCB chủ trì phối hợp Ban Thanh tra và các đơn vị của Học viện. Giai đoạn 2016 - 2021, ngành Triết học có 30 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, có 12 lượt GV đạt danh hiệu lao động xuất sắc, có 11 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, có 02 GV đạt khen thưởng cao; 01 GV đạt danh hiệu “GV giỏi cấp Bộ”; 05 năm tập thể Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

Trong giai đoạn 2016-2021, CB, GV, NV đều hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện/Khoa; chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng của Khoa và Học viện. Ví dụ: Năm học 2020 - 2021, qua khảo sát 181 GV, trong đó có 77.7% GV của Trường (66,7% GV của ngành

---

<sup>2</sup> Hướng dẫn số 2017468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017; 5460-HD/ HVBCCT ngày 26/11/2018; số 910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019; số 348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020; số 3998/HĐ-HVBC&TT ngày 7/11/2017; số 5460-HD/HVBC&TT ngày 26/11/2018; số 4752-HD/HVBCCT ngày 22/10/2019;

Triết học) được hỏi hài lòng về khối lượng công việc của mình hợp lý; có 68.92% GV của Trường (50% GV của ngành Triết học) được hỏi hài lòng việc Học viện thực hiện quản trị GV (đánh giá, khen thưởng, công nhận...) dựa trên hiệu quả công việc; có 66.89% GV của Trường (50% GV của ngành Triết học) được hỏi hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.6*

Học viện chưa có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn hằng năm.

Chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCD của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành 1 tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động DT và NCKH.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.6*

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.6*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 6.6 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.7*

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động KHCN của Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học được ban hành tại QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011 và Quy định chế độ làm việc đối với GV (QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/03/2018). Theo đó, hoạt động NCKH gồm có 10 loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, hướng dẫn người học tham gia NCKH... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GS là 950 giờ, đối với PGS là 900 giờ, đối với GV có trình độ TS là 700 giờ, đối với GV có trình độ ThS là 600 giờ. Quy đổi một số hoạt động KHCN ra giờ giảng lý thuyết được quy định tương đối rõ ràng như bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo

trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài... Học viện đã có chính sách khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc như thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị Khoa học của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp.

Hoạt động KHCN của Khoa được giám sát tương đối chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN. Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Trường xem xét quyết định. Theo quy định của Học viện thì Ban QLKH có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án... Nghiên cứu hồ sơ minh chứng nhận thấy, công tác quản lý và giám sát tiến độ thực hiện các đề tài được thực hiện khá chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch hoạt động, xây dựng đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch kinh phí KHCN, thẩm định và phê duyệt đề tài, giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng... Ngoài chính sách khen thưởng, Học viện cũng có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài. Ngoài kinh phí hoạt động KHCN được cấp từ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan khác, hằng năm Học viện đều dành một nguồn kinh phí khá lớn từ nguồn thu để chi thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở như năm 2020 đã chi 3,644 tỉ đồng. Kinh phí chi cho mỗi đề tài cấp cơ sở tăng dần và đến năm 2020 là 12–100 triệu đồng/đề tài tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 22 đề tài cấp cơ sở; công bố 04 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 43 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, xuất bản 25 sách chuyên khảo.

Khoa Triết học đã đối sánh với ngành XHH của Học viện và nhận thấy kết quả NCKH của GV ngành Triết học thấp hơn so với ngành XHH.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 6.7*

Học viện có quy định cụ thể về số giờ chuẩn NCKH cho các đối tượng GV nhưng không có quy định tường minh về sản phẩm KHCN mà mỗi GV trong năm học phải có như Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV.

### 3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.7

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.7

(Không có).

### 5. Đánh giá tiêu chí 6.7 đạt mức: 4/7.

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV: CLPT Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển HVBCTT đến năm 2035, tầm nhìn 2050; Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn 2019-2023, định hướng đến năm 2030; Đề án vị trí việc làm,... Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ.

Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt từ việc ban hành các văn bản đến triển khai và công bố kết quả tuyển dụng. Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đa chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH và đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 22 đề tài cấp cơ sở; công bố 04 bài

báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 43 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, xuất bản 25 sách chuyên khảo.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm); chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Học viện chưa có Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV trong các giai đoạn phát triển Học viện và kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn trước năm 2019. Các Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trường khoa hoặc Phó trưởng khoa kí và không có ngày tháng ban hành là chưa phù hợp.

Việc quy định thống nhất cách tính Tỷ lệ GV/SV còn chưa thống nhất trong toàn Học viện. Khoa Triết có Tỷ lệ SV/GV còn rất cao so với quy định và tăng dần hằng năm học từ 1/28 năm học 2016-2017 đến 1/62 năm học 2019-2020. Vì vậy, số giờ giảng vượt gấp 4 đến 5 lần so với định mức.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021. Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp



ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

Học viện chưa có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn thực hiện hằng năm; chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động ĐT và NCKH.

Học viện chưa có quy định cụ thể về sản phẩm KHCN mà mỗi GV thực hiện trong năm học. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Khoa XHH&PT chưa triển khai việc đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác của Học viện và với GV cùng ngành của các trường đại học khác ở trong nước.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Học viện cần ban hành hướng dẫn cách tính Tỷ lệ GV/SV để thực hiện thống nhất trong các Khoa của Học viện. Cần có những chính sách thu hút GV có trình độ tiến sĩ, có chức danh GS, PGS cho Khoa Triết học để đảm bảo số giờ giảng cho mỗi GV phù hợp hơn (không vượt quá cao so với định mức, gấp 4-5 lần) và đảm bảo Tỷ lệ SV/GV theo quy định.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực.

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 6	Tiêu chí 6.1				4				3,71
	Tiêu chí 6.2			3					
	Tiêu chí 6.3				4				
	Tiêu chí 6.4			3					
	Tiêu chí 6.5				4				
	Tiêu chí 6.6				4				
	Tiêu chí 6.7				4				

#### **TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NV**

**Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.**

##### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.1*

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 77/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017), trong đó xác định rõ Sứ mệnh, Tầm nhìn 2050, mục tiêu chiến lược. Trong chiến lược phát triển, có đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực như đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý.

Khoa Triết học đã ban hành chiến lược phát triển đến năm 2035 tầm nhìn 2050, trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực như đến năm 2035 có 50% những GV có học vị tiến sĩ sau 5 năm đạt chức danh phó giáo sư; đến năm 2035, những GV công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị tiến sĩ; từ năm 2020 đến 2035 mỗi bộ môn đều có GV đạt chức danh phó giáo sư hoặc GV cao cấp; số lượng GV từ 12-15 trong đó phó giáo sư từ 5-6, tiến sĩ 5-8, GV cao cấp 5-7.

Đề án vị trí việc làm tại Học viện báo chí và tuyên truyền số 6079-DA/HVBCTT ngày 31/12/2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ có 19 vị trí với 125 biên chế và 19 hợp đồng. Trong đó, có quy hoạch NV các Phòng, Ban của Học viện là 96 người, Trung tâm thông tin khoa học là 9 người, trợ lý văn phòng khoa là 17 người và các dịch vụ hỗ trợ khác 3 người.

Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng (trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014 và trong Quy chế chi tiêu nội bộ). Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Tại thời điểm đánh giá, đội ngũ NV hỗ trợ có 130 người, trong đó 2 tiến sĩ, 82 thạc sĩ, 31 cử nhân và 15 các trình độ khác. Khoa Triết học có 01 NV trình độ thạc sĩ làm trợ lý Khoa, công tác hành chính, giáo vụ ... Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị. Phòng ban chức năng và Khoa đã thực hiện khảo sát sự hài lòng của các đơn vị chức năng khác và của SV về chất lượng phục vụ. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy 86,2% SV tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 7.1*

Chiến phát triển Học viện chưa có dự báo về đội ngũ cán bộ/GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Chiến lược phát triển của Khoa chưa rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đề án vị trí việc làm chưa được Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt, một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV".

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.1*

Học viện nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ cán bộ/GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng và quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về

đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Khoa Triết học cần làm rõ thời gian ban hành các văn bản, đặc biệt là các văn bản quan trọng như Chiến lược phát triển của Khoa. Cần quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện BC&TT nên rà soát lại đề án vị trí việc làm để đảm bảo khả thi, đặc biệt là làm rõ hơn một số vị trí việc làm như "NV phục vụ", "NV" và trình độ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 7.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.2*

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức theo Quyết định số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014. Trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ban hành theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành.

Hồ sơ minh chứng cho thấy: Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV trong Học viện qua trang thông tin điện tử của Học viện và gửi bằng đường văn thư đến các đơn vị.

*2. Tồn tại của tiêu chí 7.2*

Hiện nay, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đã ban hành năm 2014 nên chưa gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.2*

Học viên nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cần chú trọng nhiều hơn đến việc điều chuyển NV.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.2 đạt mức: 4/7.*

## ***Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.3*

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua năm 2020 số 4341-HD/HVBCTT ngày 19/10/2020 của Học viện BC&TT và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành theo Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014), trong Đề án vị trí việc làm của Học viện Báo chí và tuyên truyền số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Ban/Khoa như tổ chức cán bộ, quản lý đào tạo, quản lý khoa học, kế hoạch-tài chính, hợp tác quốc tế, thông tin khoa học, tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, văn phòng, trợ lý văn phòng khoa, y tế, văn thư lưu trữ, NV kỹ thuật,.. Đối với Khoa Triết học còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua của Học viện BC&TT ban hành năm 2017, đã được rà soát, điều chỉnh sửa đổi hằng năm để các tiêu chí đánh giá sát với yêu cầu thực tế.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi cán bộ, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ (loại A hệ số 2, loại B hệ số 1,5 và loại C hệ số 1). Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV theo Luật Viên chức, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Tỷ lệ NV của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng là 2,6%; 1,6%; 1,6% và 8,4%. Riêng kết quả xếp loại NV của Khoa thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ NV toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2016 đến năm 2020 tương ứng là 18%; 17%; 20%; 19% và 18%.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 7.3*

Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... chưa gắn với đề án vị trí việc làm.

Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT về việc ban hành Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ vào Quy chế Thi đua, Khen thưởng được ban hành kèm theo Quyết định số 4740/QĐ-HVBC&TT năm 2014. Tuy nhiên, Quy chế này đã hết hiệu lực.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa Triết học chưa có thời điểm xây dựng và chưa được phê duyệt, chưa rõ từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc định biên của đơn vị. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa Triết học chung chung, chưa có đặc điểm riêng cho vị trí việc làm của Khoa.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể

để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV. Qua phỏng vấn cho thấy, NV làm cán bộ văn phòng Khoa Triết học được đánh giá cao, trong giai đoạn đánh giá chưa lần nào được danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và chưa lần nào xếp loại A.

Qua phỏng vấn cho thấy việc không chế Tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ như hiện nay và việc đánh giá xếp loại này dựa vào kết quả khen thưởng là chưa tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3*

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, trong đó có đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện có thể xem xét tham khảo các tài liệu về KPIs cho việc xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ.

Học viện cần rà soát lại tính pháp lý của các văn bản đã ban hành, đặc biệt các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ cho ban hành văn bản đã hết hiệu lực.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa Triết học cần rà soát lại Khung năng lực vị trí việc làm cần rõ ràng hơn để làm cơ sở cho việc định biên và cần được phê duyệt. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa Triết học nên cụ thể hơn với đặc thù công việc của Khoa, chẳng hạn yêu cầu biết về các CTĐT mà Khoa đang phụ trách, tiến độ thực hiện CTĐT,...

Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định Tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ, viên chức, công chức như hiện nay để tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc. Việc xếp loại chỉ nên căn cứ vào tiêu chí đã đưa ra chứ không nên khống chế Tỷ lệ.

### *4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.4*

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV. Căn cứ vào đề xuất của NV và yêu cầu công việc, Trưởng các đơn vị báo cáo Ban Tổ chức – Cán bộ đề lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho NV được Ban Tổ chức – Cán bộ phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ. Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 đã có 310 lượt NV được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng (12 người được cử đi đào tạo tiến sĩ, 8 người được cử đi đào tạo thạc sĩ, 46 người được cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị, 244 người được đi tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn khác), tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là 86 triệu đồng.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 7.4*

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng.

Học viện chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

Khảo sát thực tế cho thấy, các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà NV đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho NV Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, trợ lý các Khoa, tập huấn về quản trị nhân lực cho đội ngũ NV.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.4*

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV. Học viện có thể xem xét mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về phát triển CTĐT cho NV Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, trợ lý các Khoa, tập huấn về quản trị nhân lực cho đội ngũ NV.

### *2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.4*



(Không có).

5. *Đánh giá tiêu chí 7.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.5*

Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của Học viện BC&TC và Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Học viện BC&TT đã triển khai đánh giá hiệu quả của đội ngũ NV dựa trên các Quy định, Hướng dẫn trên. Kết quả đánh giá NV từ năm 2016 đến năm 2020 cho thấy hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, Tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 1,6% năm 2019 tăng lên 8,4% năm 2020. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, Tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2020 lần lượt là 97,4%, 97,5%, 94,5% và 90,8%, trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0%, 0,8%, 0,8% và 1,5%. Kết quả xếp loại viên chức và danh hiệu thi đua của NV Khoa Triết học từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và lao động tiên tiến.

Khảo sát thực tế cho thấy, hầu hết cán bộ NV đều được tham gia góp ý, bàn bạc dân chủ đối với các văn bản có liên quan đến công tác quản trị công việc trước khi các văn bản được Giám đốc ký ban hành. Các văn bản này được định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp hơn với quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và điều kiện thực tế của Học viện BC&TT. Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm NV cho thấy NV hài lòng với việc quản trị công việc, thi đua khen thưởng.

*2. Tồn tại của tiêu chí 7.5*

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ khó đạt được trong thực tế nên chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn. Kết quả bình xét thi đua của NV Khoa XHH&PT từ năm 2016 đến nay chưa được chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Học viện chưa khảo sát một cách có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ. Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

Đội ngũ NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.5*

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua để tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức. Học viện nên xem xét và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế đảm bảo khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn.

Học viện nên tiến hành khảo sát có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ để làm căn cứ xây dựng chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động cho đội ngũ này.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá cho đội ngũ này.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.5*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.5 đạt mức: 3/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7:**

**+ Điểm mạnh cơ bản**

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV.

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa XHH&PT còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Chiến lược phát triển Học viện chưa có dự báo về đội ngũ CB, GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Chiến lược phát triển của Khoa chưa

rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đề án vị trí việc làm chưa được Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt, một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV". Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV.

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ HV CTQG Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng. Học viện chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ khó đạt được trong thực tế nên chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này.

Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm. Học viện/Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ NV, quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng

lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại.

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phát triển CTĐT.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua, nên cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế, khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ NV.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 7	Tiêu chí 7.1				4				3,80
	Tiêu chí 7.2				4				
	Tiêu chí 7.3				4				
	Tiêu chí 7.4				4				
	Tiêu chí 7.5			3					

## **TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

**Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.**

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.1*

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của BGD&ĐT như: xây dựng Đề án TS<sup>(3)</sup>, xây dựng Kế hoạch TS/KH Tư vấn TS/KH tổ chức toạ đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng<sup>(4)</sup>, Thông tin TS

<sup>3</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT, số 589/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020

<sup>4</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT, số 589/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020

(<sup>5</sup>) với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng với các ngành của Học viện trong đó có ngành Triết học về khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng.

Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của HVBC&TT (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website HV BC&TT (<https://ajc.hcma.vn/>), fanpage khoa Triết học, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh.

Trước mỗi kỳ TS, căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước và nhu cầu nhân lực qua khảo sát các BLQ (các cuộc hội nghị, hội thảo về tuyển dụng do Học viện/Khoa tổ chức), Học viện đã họp HĐTS, tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành Triết học trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, số lượng thí sinh nhập học ngành Triết học so với chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt lần lượt các năm từ 2016-2017 đến 2020-2021 đạt 74%, 77,5%, 90%, 120%, 140% với điểm trúng tuyển lần lượt là 17,5; 20,5; 16,0; 18,0 và 19,65.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 8.1*

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.1*

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.1*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 8.1 đạt mức: 4/7.*

---

<sup>5</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT, số 589/ĐA-HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA-HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020

***Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và PP tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

***1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.2***

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã thực hiện tuyển sinh trên phạm vi cả nước với các phương thức tuyển sinh khác nhau như: năm 2016 và 2017 áp dụng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; năm 2018 xét tuyển theo 3 phương thức (xét tuyển thẳng theo QC của BGD&ĐT, theo kết quả thi THPTQG và xét tuyển theo học bạ); năm 2019 với 4 phương thức (tương tự năm 2018 và bổ sung thêm phương thức ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt giải nhất nhì ba HSG QG); và năm 2020 với 4 hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, xét tuyển thẳng, xét tuyển theo học bạ THPT và xét tuyển thẳng theo Đề án TS riêng (có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương IELTS 6.5). Với phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia: Tiêu chí tuyển chọn người học ngành Triết học được dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi thuộc các tổ hợp C15, A16, D01 của kết quả kỳ thi THPT quốc gia, có cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.

Ngoài ra, điểm xét tuyển phải đảm bảo tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) theo quy định hàng năm của Học viện/ngành Triết học và/hoặc của BGD&ĐT. Các tiêu chí và PP tuyển chọn được nêu rõ trong Đề án tuyển sinh, Thông báo/thông tin tuyển sinh và công bố công khai trên trang thông tin tuyển sinh của Trường.

Học viện đã họp HĐ tuyển sinh rà soát dự thảo Đề án tuyển sinh trước khi công bố (Biên bản họp HĐTS ngày 28/1/2016, ngày 14/2/2017, ngày 6/2/2018, ngày 28/2/2019 và ngày 24/4/2020), đồng thời căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước, Hội đồng tuyển sinh đã phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường từ đó đưa ra các phương thức TS, tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông ... để hoàn thiện Đề án TS và xây dựng KH các hoạt động TS cho kỳ tuyển sinh tiếp theo.

Qua nghiên cứu hồ sơ MC cho thấy, số lượng và chất lượng đầu vào của người học ngành Triết học tương đối ổn định qua các năm. Trong giai đoạn 2016 đến nay, trung bình một năm Khoa tuyển vào 1 lớp cử nhân Triết học với số lượng 40-50 SV. Kết quả tuyển sinh tương đối ổn định với điểm đầu vào có xu hướng tăng dần trong 3 năm gần đây, cụ thể như năm 2018 là 16 điểm, năm 2019 là 18 điểm, năm 2020 là 19,65 cho các tổ hợp.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 8.2*

Hoạt động rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Học viện được tích hợp trong cùng hoạt động chuẩn bị xây dựng Đề án tuyển sinh.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.2*

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách bài bản.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.2*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 8.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.3*

Học viện đã thành lập phòng CTCT&HTSV<sup>(6)</sup>, Ban QLĐT<sup>(7)</sup>, Trung tâm KT&KĐCL, Phòng QT&QLKTX... với đội ngũ cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập của NH, ngoài ra còn có đội ngũ CVHT, đội ngũ chuyên viên VP Khoa chịu trách nhiệm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV ngành Triết học và thực hiện cảnh báo học vụ. Học viện đã sử dụng Phần mềm quản lý đào tạo (phần mềm ESSoft Version 6.0) trong đó có modul quản lý SV... hỗ trợ hoạt động giám sát KQHT của người học, phần mềm/các công cụ hỗ trợ việc giám sát học/thi trực tuyến, kết quả rèn luyện, quản lý hồ sơ, hoạt động ngoại khoá... có tính tích hợp, có phân quyền phù hợp cho mỗi loại đối tượng GV, CVHT, Trưởng các đơn vị, SV, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV, Khoa Triết học.

Học viện đã ban hành Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống TC của HVBC&TT (QĐ số 3935/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 25/11/2015), Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (QĐ số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định CDR trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (QĐ số 435/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016), Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề

<sup>6</sup> Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng CTCT&HTSV Số 4239/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019

<sup>7</sup> Quy chế hoạt động của Ban Quản lý đào tạo 01/QĐ-BQLĐT ngày 16/1/2015; Quyết định v/v ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý đào tạo 3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017; Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Quản lý đào tạo, 4227/QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019



thi (ngày 30/11/2015), Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 1/9/2017), Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020)... hỗ trợ triển khai hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

Ngoài ra, định kỳ hàng tháng Khoa thu nhận ý kiến từ NH (các Biên bản họp phản ánh của SV hàng tháng) về các mặt liên quan đến học tập và rèn luyện, hệ thống CSVC, hoạt động dạy-học của GV/NH..., trên cơ sở đó có biện pháp cải tiến để hỗ trợ NH kịp thời. Hàng năm, Học viện đều tổ chức các buổi tiếp xúc giữa NH với Ban Giám đốc Học viện, các đơn vị chức năng nhằm lắng nghe ý kiến từ NH để có KH và biện pháp cải tiến nhằm hỗ trợ cũng như có cách thức giám sát hoạt động giảng dạy của GV cũng như của NH một cách tốt hơn.

Trong giai đoạn đánh giá, số liệu thống kê từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 cho thấy, số lượng/tỷ lệ SV ngành Triết học có kết quả rèn luyện đạt từ loại tốt trở lên lần lượt là 47,9% (70/146), 80% (100/125), 64,4% (74/115), 58,6% (75/128), và 64,5% (91/144); vẫn còn một tỷ lệ SV có điểm rèn luyện đạt loại TB (8,9% (13/146); 0% (0/125); 4,35% (5/115); 3,13% (4/128); 4,26% (6/141), SV loại yếu/kém chiếm tỷ lệ không đáng kể và chỉ có ở năm học 2019-2020 là 5,47% (7/128); số lượt SV bị cảnh báo học vụ trong cả 5 năm là 17 lượt; 04 SV bị tạm dừng tiến độ học tập; và có 30 SV bị xoá tên/thôi học trong vòng 5 năm (2016-2017 đến 2019-2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.3*

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3*

Học viện/Khoa Triết học, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém, mặt khác cần tìm nguyên nhân thôi học của SV để có biện pháp tư vấn kịp thời nhằm giảm tỷ lệ SV thôi học.

### *4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 8.3 đạt mức: 4/7.*

**Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.**

**1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.4**

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Phòng CTCT&HTSV, ĐTN, đội ngũ cán bộ chuyên trách, cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khoẻ; về học bổng KKHT, học bổng tài trợ, miễn giảm học phí; hỗ trợ về nhà trọ/KTX; về hoạt động văn thể mỹ, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành Triết học như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh. Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp

Khoa đã tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú như: chủ trì, tham gia thực hiện các đề tài NCKH SV; hoạt động câu lạc bộ Triết học; tham quan, thực tập, kiến tập tại các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp, các trường ĐH, CĐ trong cả nước; Các hoạt động Đoàn như Thanh niên tình nguyện, văn nghệ xung kích, thể dục thể thao...Khoa có CLB Triết học, CLB Hùng biện thu hút nhiều SV của ngành và SV toàn Học viện tham gia.

Trong giai đoạn đánh giá, ĐTN Học viện đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện định kỳ tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng mềm cho SV<sup>(8)</sup>, các hoạt động ngoại khóa như SV tình nguyện “Mùa đông ấm” “Tình nguyện hè”, tổ chức các cuộc thi như “Tuyển chọn MC SPEAK UP”, Giải bóng đá SV AJC CUP.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành Triết học được phòng CTCT&HTSV, Khoa và Học viện đặc biệt quan tâm như liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp, việc làm. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các Trường ĐH trên địa bàn

---

<sup>8</sup> KH số 03-KH/ĐTNHVBCTT ngày 13/9/2017; 13-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/9/2018; 27-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/8/2019

HN (ĐH Văn hoá, ĐH Tài nguyên Môi trường, Học viện Kỹ thuật Quân sự, ĐH Giao thông vận tải...), các Trường Chính trị thuộc các tỉnh, Trường Chính trị Lê Hồng Phong... về việc gửi SV sang thực tập thực tế, hợp tác đào tạo NCKH, tạo cơ hội việc làm cho SV TN, xây dựng và triển khai chương trình định hướng nghề nghiệp, huấn luyện kỹ năng.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học/người học đã tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có sự thay đổi theo hướng tăng dần (từ 51% năm 2017, và năm 2020 là 76,2%) trong giai đoạn đánh giá cho thấy người học khá hài lòng với các hoạt động này.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.4*

Qua nghiên cứu hồ sơ MC và phỏng vấn các BLQ cho thấy, hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.4*

Học viện/Khoa Triết học cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện cần nghiên cứu sớm thành lập bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.4*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 8.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.5*

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CBGV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CBGV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa Triết học, của CBGV ngành Triết học đều được trang bị đầy đủ thiết bị

cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế...

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị điều hòa, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết bút, đồng hồ, thùng rác, bình cứu hỏa, rèm để chắn ánh sáng chiếu máy chiếu, thiết bị âm thanh loa - mic chất lượng tốt, hệ thống wifi miễn phí tại KTX nhằm đáp ứng kịp thời tốt nhất nhu cầu thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và tại khu ký túc xá có nơi tập thể dục, nhà ăn... tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt.

Qua khảo sát thực địa cho thấy, Học viện đã trang bị đầy đủ CSVN (khu sinh hoạt chung/riêng và hệ thống sân tập, thao trường, trang quân dụng) để được phép đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio (theo QĐ số 3479/QĐ-HVBC&TT ngày 30/10/2015), Quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của cán bộ GV HVBC&TT.... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC; quy định về việc sử dụng khu vực công cộng, quy định về đi lại và trông giữ xe...

Học viện có Trạm y tế (Phòng y tế năm 2017 theo QĐ số 3642/QĐ-HVBC&TT ngày 12/10/2017; Trạm y tế theo QĐ số 4299-QĐ/HVBC&TT ngày 30/9/2019) trực thuộc Văn phòng chịu trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho CBGV, NV, NH của Học viện; thực hiện cập nhật và thông báo về các nguy cơ bệnh tật theo mùa và cách phòng tránh, xử lý nhằm đảm bảo sức khỏe cho CBGV, SV và có kế hoạch hành động cụ thể.

Học viện có canteen phục vụ SV, CBGV, NV đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống canteen không hoạt động theo quy định về phòng chống dịch Covid-19.

Học viện có Ban chỉ huy PCCC (QĐ kiện toàn lực lượng PCCC số 1462/QĐ-HVBC&TT ngày 26/4/2017), Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2610/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2659/QĐ-HVBC&TT ngày 11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2435-QĐ/HVBC&TT ngày 30/6/2020), Lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2611/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2660/QĐ-HVBC&TT ngày

11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2434-QĐ/HVBCTT ngày 30/6/2020) thực hiện công tác cứu nạn cứu hộ tại Học viện đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi sự cố xảy ra.

Học viện có Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo (theo QĐ số 4299-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019 sau khi sát nhập Trung tâm thực hành hỗ trợ và đào tạo về Văn phòng) chịu trách nhiệm hỗ trợ về CSVC cho hoạt động ĐT.

Học viện/Khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Học viện/Khoa. Qua khảo sát thực địa, phỏng vấn các BLQ và báo cáo kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện/Khoa đạt trên 75%.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.5*

Nhân lực phòng Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018).

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.5*

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế, đồng thời nâng cấp/cải tạo CSVC của trạm y tế.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.5*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 8.5 đạt mức: 5/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Hàng năm, Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đã chú trọng nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành Triết học trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng

ngành cho SV ngành Triết học như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGĐ Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành Triết học được liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa Triết học, của CB, GV ngành Triết học đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVC để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của CB, GV, NV, Nội quy/Quy định của Học viện,... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng,... Học viện đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

Hoạt động rà soát và đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Học viện được tích hợp trong cùng hoạt động chuẩn bị xây dựng Đề án tuyển sinh.

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

Hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

Nhân lực phòng Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018)..

#### + Kiến nghị

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách chặt chẽ bài bản.

Học viện/Khoa Triết học, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện cần nghiên cứu sớm thành lập bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 8	Tiêu chí 8.1				4				4,20
	Tiêu chí 8.2				4				
	Tiêu chí 8.3				4				
	Tiêu chí 8.4				4				
	Tiêu chí 8.5					5			

## **TIÊU CHUẨN 9: CSVC VÀ TRANG THIẾT BỊ**

***Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### ***1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.1***

Tại thời điểm đánh giá, Học viện có tổng diện tích khuôn viên là 57.310,6 m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng 33.709.52 m<sup>2</sup>; tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ ĐT, NCKH là 17.916.37 m<sup>2</sup>, bao gồm: 97 phòng học, hội trường, phòng bảo vệ luận văn, luận án với tổng diện tích 8116,06 m<sup>2</sup> được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ, 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 71.28 m<sup>2</sup> và có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m<sup>2</sup>. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các phòng Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV (2728,38 m<sup>2</sup>), Thư viện (3914 m<sup>2</sup>), ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở..., với quy mô SV của Học viện 8957 người học chính quy, diện tích sàn đào tạo đạt bình quân 5,27 m<sup>2</sup>/SV đáp ứng quy định. Các phòng làm việc, phòng học, giảng đường, phòng chức năng đều được trang bị phương tiện và các thiết bị cần thiết, đáp ứng yêu cầu làm việc và tổ chức dạy - học, như: Hệ thống chiếu sáng, quạt trần, điều hòa không khí, bàn ghế, máy tính, máy chiếu, camera, âm thanh...(Có danh mục CSVC, trang thiết bị toàn Học viện 2016-2020).

Khoa TrH có tổng diện tích đất sử dụng: 103m<sup>2</sup>, có 4 phòng làm việc, bố trí tại tòa nhà A1 bao gồm Phòng làm việc của GV, Văn phòng khoa, phòng Phó chủ nhiệm khoa, phòng làm việc của Trưởng khoa. Khoa có 09 Giảng viên cơ hữu, bình quân diện tích làm việc 11.44 m<sup>2</sup>/người và có các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và phát triển học thuật

SV ngành Triết học sử dụng chung giảng đường của Học viện với bình quân 5.07 m<sup>2</sup>/SV. Việc phân bổ, sắp xếp phòng học, giảng đường cho CTĐT ngành Triết học là do Ban đào tạo và phòng quản trị và quản lý ký túc xá phối hợp thực hiện.

Khoa TrH có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo Tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.



Trong giai đoạn đánh giá Học viện đã tổ chức Khảo sát về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất với kết quả khảo sát: của GV, năm 2018: 61.67%; năm 2019: 74%; năm 2020: 72 %. Của SV, năm 2017: 73.95%; năm 2018: 77.7%; năm 2019: 75%; năm 2020: 90.3 %.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 9.1*

Học viện có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.1*

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

### *2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.1 đạt mức: 5/7.*

***Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.2*

Tại thời điểm đánh giá, Học viện có Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH), với tổng diện tích sử dụng là 3.914 m<sup>2</sup>. TTTTKH có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính (gồm 02 máy chủ và 63 máy trạm) giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. Theo danh mục sách, giáo trình, tài liệu được thống kê tại TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu. TTTTKH đang sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9.

Hàng năm Học viện đều có kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo và đã tổ chức mua sắm bổ sung, cụ thể: năm 2016: 328 đầu sách với 2.956 bản; năm 2017: 516 đầu sách với 5,001 bản; năm 2018: 484 đầu sách với 2,552 bản; năm 2019:

477 đầu sách với 4,347 bản; năm 2020: 313 đầu sách với 2,450 bản và đến tháng 10 năm 2021: 198 đầu sách với 2,018 bản.

TTTTKH đã được Học viện đầu tư mua sắm học liệu: năm 2016: 642 triệu đồng; năm 2017: 990 triệu đồng; năm 2018: 842 triệu đồng; năm 2019: 1,145 triệu đồng; năm 2020: 1,094 triệu đồng và đến tháng 10 năm 2021: 422 triệu đồng

Thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập, năm 2016: 235134; năm 2017: 581436; năm 2018: 605500; năm 2019: 945697; năm 2020: 1918689; năm 2021: 1924918; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 1298660;

Thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2021 là 8959395; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 38.746; số lượt bạn đọc mượn sách là: 25.899; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 2421720; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 936; số lượt bạn đọc mượn sách là: 1074;

Ngành Triết học được bổ sung: năm 2016: 71 đầu sách với 699 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 698 bản; năm 2018: 77 đầu sách với 367 bản; năm 2019: 90 đầu sách với 531 bản và năm 2020: 48 đầu sách với 215 bản; Tháng 10 năm 2021: 101 đầu sách với 736 bản. Ngành Triết học có 277 tài liệu số tại Thư viện số

Khoa Triết học có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa (hiện có 258 sách và tài liệu tham khảo, trong đó: Giáo trình 10; tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo ngành Triết học, tài liệu hướng dẫn học tập cho môn học 200; Tạp chí khoa học 43; Tài liệu Hội thảo khoa học chuyên ngành Triết học 5). Nếu như năm 2016 ngành Triết học có quy mô học liệu khoảng 160 đầu sách với 300 bản sách thì đến năm 2020 đã có 258 đầu sách với hơn 400 bản sách. Kết quả kiểm tra 41 tài liệu học tập của 10 môn học ngành Triết học tại Thư viện có 36 tài liệu, đạt 87,8 %.

Kết quả khảo sát về sự hài lòng của bạn đọc ngành Triết học: năm 2016: 74.82%, năm 2017: 75.65%, năm 2018: 76,5%, năm 2019: 80.5%, năm 2020: 82.76%. cho thấy mức độ hài lòng về hệ thống Thư viện, CSVC phục vụ GD và NCKH.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 9.2*

Qua kiểm tra thực tế, Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư

viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân Triết học còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít.

Hoạt động liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTV các Trường ĐH KTQD, Trường ĐH Nha Trang, Trường ĐH sư phạm HN chỉ mới cho phép trích xuất thông tin danh mục/danh sách, còn hạn chế trong việc khai thác nội dung/thông tin từ các nguồn tài liệu trong danh mục/danh sách đó.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.2*

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số. Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành XHH nói riêng.

Cần quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới; Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Cần tăng cường hơn nữa hiệu quả trao đổi, chia sẻ thông tin, tài liệu giữa Thư viện của Nhà trường với Thư viện các CSGD ĐH trong và ngoài nước.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.2 đạt mức: 4/7*

***Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.3*

Theo thống kê hàng năm trong giai đoạn đánh giá và cập nhật đến năm 2020 Học viện có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m<sup>2</sup>. Qua kiểm tra cho thấy các phòng thực hành đủ và đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH (Học viện tổ chức kiểm kê, lập sổ tài sản hàng năm (2016-2020) và có thống kê danh mục trang thiết bị phòng thực hành).

Phòng thực hành có Nội quy do Giám đốc ký ban hành, có Quy định về quản lý sử dụng phòng thực hành (QĐ số 3479/QĐ-HVBCTT ngày 30/10/2015 của Giám đốc). Có sổ Nhật ký sử dụng phòng thực hành, phòng máy và có Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thực hành. Các phòng thực hành do phòng Thiết bị cử cán bộ

phụ trách và toàn bộ phòng máy, phòng thực hành CNTT do Trung tâm CNTT phân công người phụ trách. Có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị.

Khoa Triết học được sử dụng chung các phòng học và phòng thực hành của Học viện. Trang thiết bị tại các phòng máy, phòng thực hành được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật bổ sung hàng năm để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu (Thống kê theo dõi sửa chữa, cập nhật, duy tu, bảo dưỡng thiết bị từ năm 2016- 2020). Trong giai đoạn đánh giá Học viện đã đầu tư kinh phí mua sắm bổ sung và nâng cấp CSVC và trang thiết bị dạy và học phục vụ đào tạo cụ thể như sau: (năm 2016 : 10.82 triệu đồng; năm 2017: 10.428 triệu đồng; năm 2018: 18.499 triệu đồng; năm 2019: 27.148 triệu đồng; năm 2020: 19.807 triệu đồng và năm 2021: 36.453 triệu đồng).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cần thiết cho giảng dạy, học tập cho thấy: của GV, năm 2019: 62,3%; năm 2020: 68,24 %. Của SV: năm 2017: 63,7%; năm 2018: 75%; năm 2019: 72,9%; năm 2020: 68,24%.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 9.3*

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản.

Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành thấp (có một số trang bị từ năm 2012), khó đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.3*

Học viện/Khoa Triết học cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản.

Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.4*

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 591 máy tính bao gồm 388 máy tính phục vụ hoạt động dạy học được bố trí tại 12 phòng thực hành và thư viện; 203 máy tính trang bị cho đơn vị phục vụ công tác quản lý điều hành được kết nối mạng Lan, mạng internet; Học viện hiện tại có 13 máy chủ (04 máy chủ phục vụ cho hoạt động đào tạo; 01 máy chủ phục vụ hoạt động tài chính; 02 máy chủ phục vụ hoạt thư viện số, thư viện điện tử; 01 máy chủ phục vụ cho quản lý hệ thống mạng; 02 máy chủ phục vụ cho thi CDR tin học ngoại ngữ và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc của Việt nam; 02 máy chủ phục vụ cho trường quay ảo và phòng thực hành quay phim; 01 máy chủ phục vụ quản lý ký túc xá SV); Học viện có 01 đường truyền internet kênh thuê riêng Leasedline với tốc độ 6Mb quốc tế và 300Mb trong nước phục công tác quản lý điều hành và hệ thống mạng wifi trong toàn Học viện để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu; ngoài ra Học viện có 04 đường truyền internet tốc độ cao FTTH để phục vụ cho các lớp chất lượng cao, các lớp liên kết đào tạo quốc tế với đại học Middlesex Vương Quốc Anh, các phòng thực hành máy tính và trường quay (04 đường truyền FTTH với tốc độ 100 Mbps được lắp đặt tại các khu nhà A2; A3,A4.B11; B3 và B1). Học viện có cổng thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh tại địa chỉ: <http://ajc.hcma.vn>. Học viện có cổng thông tin SV tại địa chỉ <http://quanlydaotaoajc.hcma.vn>. Học viện còn có Tạp chí Lý luận chính trị truyền thông điện tử tại địa chỉ <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/>.

Để phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý điều hành của Học viện, Học viện đã trang bị 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm QLĐT (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul QLKH; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản.

Ngoài ra tại phòng thực hành máy tính của khoa đều được cài đặt các phần mềm chuyên dụng riêng biệt, ngành có bản quyền.

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: Năm 2016: 397 triệu đồng; Năm 2017: 2858 triệu đồng; Năm 2018: 1342 triệu đồng;

Năm 2019: 208 triệu đồng; Năm 2020: 2740 triệu đồng và đến tháng 10 năm 2021: 2479 triệu đồng.

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng với hệ thống CNTT của Học viện cho thấy: ý kiến của GV: năm 2018: 37,5%; năm 2019: 28,6%; năm 2020: 40,0 %. Ý kiến của NH: năm 2017: 45,5%; năm 2018: 42,86%; năm 2019: 71,7%.

#### *2. Tôn tại của tiêu chí 9.4*

Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền.

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.4*

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT&NCKH của hệ thống CNTT.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.4*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 9.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.5*

Học viện có Phòng Y tế. Hàng năm, Học viện đã chú trọng việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và SV (nhập học & tốt nghiệp) theo Thông tư 14/2013 và Quyết định 16/2013 của Bộ Y tế (HĐ khám sức khỏe từ năm 2016-2020). Học viện đã tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC và NH. Kết quả khám sức khỏe định kỳ của GV và SV được lưu trữ đầy đủ.

Về công tác An ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội, Học viện có các công tác phối hợp với các bên thể hiện qua các biên bản làm việc. Học viện có tổ Bảo vệ Học

viện (số 4575/HĐKT/HVBC&TT-CTYCPDVBVAL) trong đó quy định cụ thể về phạm vi công việc của Tổ bảo vệ.

Công tác PCCC, cứu hộ cứu nạn được Học viện quan tâm, thể hiện qua những quyết định và kế hoạch phục vụ công tác PCCC, phòng chống thiên tai... (các QĐ số 3711/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016, số 1772/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016..; số 1774/ QĐHVBC&TT-VP năm 2016; 1900/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2017; 2610/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2018; 1773/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016....)

Học viện luôn quan tâm đến công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thể hiện qua việc rà soát, đánh giá các đơn vị cung cấp thực phẩm cho Học viện bằng các văn bản “Bản tự công bố sản phẩm” (các số CEK.05/MKD/2019; CEK.04/MKD/2019; BUN.36/NKD/2019...). Học viện còn rà soát các xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm của các bên cung cấp (các số 117/2018/YTBD\_XNCB; 833/2017/YTBD\_XNCB...). Ngoài ra, Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện đã chú trọng thực hiện công tác Phòng, chống dịch bệnh, thể hiện qua các thông báo, quyết định, kế hoạch và biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học (KH Số 327-KH/HVBC&TT-VP ngày 31/01/2020; Thông báo số 1204-TB/HVBC&TT ngày 02/3/2021, Biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh ngày 11/3/2020...)

Kết quả khảo sát các BLQ về mức độ hài lòng với môi trường tự nhiên và xã hội của Học viện năm 2020 cho thấy: mức độ hài lòng của GV: 91.7%; của SV: 88,46%

## *2. Tồn tại của tiêu chí 9.5*

Hệ thống tường trong, ngoài phòng của Trạm y tế, một số phòng Thư viện, giảng đường còn bị bong tróc một vài chỗ tại thời điểm khảo sát. Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.5*

Học viện sớm có kế hoạch cải tạo các vị trí tường bao bị bong tróc. Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.5*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 9.5 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa Triết học có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành Triết học được bổ sung: năm 2016: 71 đầu sách với 699 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 698 bản; năm 2018: 77 đầu sách với 367 bản; năm 2019: 90 đầu sách với 531 bản và năm 2020: 48 đầu sách với 215 bản; Tháng 10 năm 2021: 101 đầu sách với 736 bản. Ngành Triết học có 277 tài liệu số tại Thư viện số.

Khoa Triết học (TrH) có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa (hiện có 258 sách và tài liệu tham khảo, trong đó: Giáo trình 10; tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo ngành Triết học, tài liệu hướng dẫn học tập cho môn học 200; Tạp chí khoa học 43; Tài liệu Hội thảo khoa học chuyên ngành Triết học 5). Nếu như năm 2016 ngành Triết học có quy mô học liệu khoảng 160 đầu sách với 300 bản sách thì đến năm 2020 đã có 258 đầu sách với hơn 400 bản sách.

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại



có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm Quản lý đào tạo (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul Quản lý Khoa học; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong giai đoạn đánh giá Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Học viện có khoảng 40% diện tích dành cho cây xanh.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện dành nhiều kinh phí đầu tư cho CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo, có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân XHH còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít. Việc liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTTV trường ĐH KTQD; TTTTTV trường ĐH Nha Trang; TTTTTV trường ĐH sư phạm HN còn hạn chế.

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản. Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT.

Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền. Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

**+ Kiến nghị**

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành Triết học nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa Triết học cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng. Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH của hệ thống công nghệ thông tin trong Học viện.

Học viện sớm có kế hoạch cải tạo các vị trí tường bao bị bong tróc. Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 9	Tiêu chí 9.1					5			4,20
	Tiêu chí 9.2				4				
	Tiêu chí 9.3				4				
	Tiêu chí 9.4				4				
	Tiêu chí 9.5				4				

## TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

*Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.*

### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.1

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo quy định và hướng dẫn của Học viện (các QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến:

+ Khảo sát SV theo học kỳ về Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, PPDH và PP KTĐG trong học phần, CSVC phục vụ học phần; Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo;

+ Khảo sát GV, NV về CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và KTĐG, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng...;

+ Khảo sát cựu SV về mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT;

+ Khảo sát NTD về chất lượng SV tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT;

Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích và gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn đánh giá, hằng năm, Khoa và Học viện đã thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT. Năm 2020 gần đây, Khoa Triết học đã khảo sát ý kiến của 06 GV trong khoa, 80 NV hỗ trợ, 29 SV năm cuối, 20 cựu SV và 15 NTD về các hoạt động của CTĐT ngành Triết học (Bảng tổng hợp của Học viện, ngày 09/8/2021).

Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT ngành Triết học đã qua 3 lần chỉnh sửa (năm 2016, 2018, 2020). Năm 2018, dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu CTĐT như Luật Giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục

tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành Triết học lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 (CTĐT ngành QHQT, các phiên bản năm 2018 và 2020).

CTDH ngành Triết học đã được rà soát, điều chỉnh qua các năm 2016, 2018, 2020. So với CTDH năm 2016 và năm 2018, CTDH năm 2020 có bổ sung nhiều môn tự chọn mới như: Cơ sở lý luận báo chí, Khoa học lãnh đạo, Triết học văn hóa, Triết học sinh thái, Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị, Truyền thông chính sách; một số môn chuyển sang khối kiến thức khác, như Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nguyên lý công tác tư tưởng chuyển lên khối kiến thức KHXX, môn mỹ học chuyển sang khối kiến thức ngành, bớt một số môn như Vật lý học, Hóa học, Sinh học đại cương và bổ sung một số môn mới như Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, Truyền thông và vận động, Nghệ thuật phát biểu miệng ... Các môn chuyên ngành đều tăng số tín chỉ thực hành và giảm số tín chỉ lý thuyết (CTĐT ngành Triết học, phiên bản các năm 2016, 2018 và 2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.1*

Chưa có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ (chưa có sự tham gia của các chuyên gia, nhà quản lý và các tổ chức nhà nước-xã hội).

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.1*

Cần có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ, VD: Sổ tay chất lượng.

Cần khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi phù hợp trong hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 10.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá***

*và cải tiến.*

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.2*

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT (9 bước), quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT (6 bước) ban hành năm 2018 (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018), sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh năm 2020 (QĐ số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020), kèm theo đó là hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT (các HD số 3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 31/5/2020).

Quy trình thiết kế CTDH có sự tham gia của các BLQ, của hệ thống tổ chức từ Trường đến Khoa, Hội đồng khoa, Bộ môn, được triển khai thực hiện đầy đủ. Khoa thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế ĐCHP cho các GV và họp thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật (QĐ số 6520/QĐ-HVBCTT ngày 28/12/2018), từ đó đề xuất các nội dung cải tiến, điều chỉnh CTĐT theo hướng dẫn chung của Học viện (HD số 2645/HD-HVBCTT ngày 31/5/2020) và dựa trên ý kiến phản hồi các BLQ trong và ngoài Học viện (Báo cáo tổng hợp ý kiến đánh giá, tổ chức thực hiện CTĐT ngành Triết học). Hội đồng KH-ĐT khoa QHQT chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của GV phụ trách các môn học (Biên bản họp Khoa QHQT, ngày 02/7/2018; Biên bản họp HĐ Khoa, ngày 30/7/2018).

Việc nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định theo TT 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (QĐ thành lập HĐ thẩm định khung CTĐT, Phiếu thẩm định, Biên bản thẩm định).

Trước năm 2020 việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT là do Ban QLĐT phụ trách; nhưng năm 2019 - 2020, việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT được chuyển về Trung tâm KT-KĐCLĐT.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2018 chưa thể hiện rõ các bước xây dựng CDR của CTĐT; Quy trình năm 2020 đã bổ sung làm rõ hoạt động xây dựng CDR dựa trên các yêu cầu về xây dựng chương trình và theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT (các QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018, số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020).

### *2. Tôn tại của tiêu chí 10.2*

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Việc đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH còn chưa rõ nét, những thay đổi về quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong các công văn hướng dẫn chưa được đưa vào quy định.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.2*

Cần tăng cường hoạt động đối sánh trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát và phát triển CTDH trong thời gian tới cần bám sát Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021, quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.2*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 10.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.3*

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PP dạy và học, PP đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

Trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBCCTT ngày 12/9/2014), Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Văn bản ban hành ngày 30/11/2015).

Sau năm 2018, Học viện đã ban hành quy định về công tác khảo thí (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/09/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (QĐ số 2244/QĐ-HVBCCTT, 23/05/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CĐR (các HD số 2647/HD-HVBC&TT, ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020), hướng dẫn xây dựng CĐR CTĐT (HD số 5621/HD-HVBCCTT, ngày 10/11/2019), quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBCCTT, ngày 9/7/2020). Trong HD số 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và PP KTĐG, đảm bảo các PP KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CĐR. Khoa Triết đã xây dựng bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và PPDH, đảm bảo các PPDH trong CTDH hướng tới đạt CĐR.

Năm 2020, Học viện đã ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT (KH số 3056/KH-HVBCCTT 15/5/2020) và Hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT (HD số 2645/HD

- HVBC TT ngày 31/5/2020). Mới đây, Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về công tác tổ chức thi học phần theo hình thức trực tuyến nhằm thực hiện việc KTĐG KQHT của SV trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng như tiếp cận với xu hướng yêu cầu chuyển đổi số trong CSGD ĐH (QĐ số 4565/QĐ-HVBC TT, ngày 09/9/2021).

Các hình thức KTĐG trong CTĐT ngành QHQT đa dạng, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Các quy định về việc KTĐG KQHT của người học được thể hiện rõ trong ĐCHP của CTĐT (CTĐT ngành Triết học các phiên bản 2016, 2018 và 2020). Khoa Triết học thực hiện các hình thức KTĐG, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc HP và có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế (Hồ sơ của Khoa QHQT).

Hàng năm, hoạt động rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của SV trong CTĐT được Học viện thực hiện, thể hiện trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới (các Báo cáo số 2271-BC/HVBC&TT, ngày 12/7/2016; ngày 25/12/2017; số 5832-BC/HVBC&TT ngày 09/12/2019 và 5332-BC/HVBC&TT, ngày 24/11/2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.3*

Chưa có báo cáo/minh chứng riêng về việc Học viện/Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học.

Trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới, hoạt động đánh giá KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT còn hạn chế.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.3*

Cần tăng cường việc định kỳ rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học và có báo cáo tổng kết rà soát, đề xuất điều chỉnh, cải tiến, các PPDH, PP KTĐG. Việc rà soát các PPDH, PP KTĐG cần thể hiện rõ việc đảm bảo sự

tương thích và phù hợp với CDR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CDR của học phần với CDR của CTĐT.

Khoa XHH cần chủ động tăng cường việc đánh giá sự tương thích và phù hợp của các hoạt động dạy học và KTĐG với CDR để có biện pháp cải tiến chất lượng CTDH một cách hiệu quả.

Cần tăng cường việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.3*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 10.3 đạt mức: 3 /7.*

***Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.4*

Từ năm 2011, trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện đã có định hướng ưu tiên những công trình NCKH cấp cơ sở phục vụ CTĐT, hoạt động dạy-học (Điều 15, Quy chế quản lý hoạt động khoa học theo QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT, 25/9/2011). Trong Quy chế ban hành năm 2018 (QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT, ngày 26/12/2018) và Dự thảo năm 2021, chính sách ưu tiên này không được thể hiện rõ, tuy nhiên, Khoa Triết học đã cụ thể hóa việc định hướng biên soạn giáo trình phục vụ CTĐT trong các kế hoạch cụ thể của Khoa (Biên bản họp Khoa Triết học các năm, từ năm 2016 đến năm 2021).

Trong giai đoạn 2016 - 2020, đội ngũ GV khoa Triết học đã tham gia hoàn thành tổng cộng 25 đề tài NCKH, nội dung các đề tài đã được sử dụng để xây dựng tài liệu giảng dạy nội bộ, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các môn giảng dạy ngành Triết học (Thống kê các công trình NCKH đã công bố và ứng dụng trong CTĐT Triết học).

Các kết quả của 25 đề tài NCKH do đội ngũ GV của Khoa Triết học thực hiện đã được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo khoa học lưu trữ tại thư viện của Học viện, đồng thời được đưa vào danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của khoa. Ví dụ: Giáo trình Triết học Mác – Lênin là sản phẩm của đề tài cấp Cơ sở (mã số ... ); Đề tài “Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị” (mã số ... ) cung cấp học liệu cho môn học cùng tên (Thống kê các công trình NCKH đã công bố và ứng dụng trong CTĐT Triết học).



Các kết quả NCKH của GV và SV Khoa XHH&PT đã được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy, KTĐG của GV và hoạt động học tập, nghiên cứu của SV. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa Triết đã tổ chức được 04 hội thảo liên quan đến công tác đào tạo (các năm 2016, 2017, 2020 và 2021); 7 seminar về đổi mới CTĐT, 05 seminar về PPDH và KTĐG, tổ chức 05 sinh hoạt chia sẻ về kinh nghiệm, PP học tập cho SV (Báo cáo tổng hợp về hoạt động NCKH của Khoa Triết học). Các Bộ môn đã tổ chức được các buổi sinh hoạt học thuật, trong đó có trao đổi về gắn kết NCKH với đào tạo, áp dụng kết quả NCKH vào các hoạt động dạy-học, KTĐG (Biên bản họp các Bộ môn...).

Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa Triết học đã có 02 lượt GV được khen thưởng về hoạt động NCKH ứng dụng trong đổi mới hoạt động dạy-học (các QĐ số 1206/QĐ-HVBC&TT, ngày 04/3/2021; số 1654/QĐ-HVBC&TT, ngày 14/5/2020); có 06 đề tài NCKH do SV khoa Triết học thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa; tham gia Hội nghị SV NCKH cấp Khoa có 42 SV tham gia năm 2018 (10 SV đạt giải) và 34 SV tham gia năm 2020 với 30 SV đạt giải (Danh sách tổng hợp SV NCKH, khoa Triết học). Thông qua việc được tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của GV, SV đã hình thành và phát kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động (Kết quả phỏng vấn cựu SV).

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.4*

Việc thực hiện các sinh hoạt học thuật (seminar, hội nghị khoa học, nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy) ở Khoa và các Bộ môn còn chưa nhiều.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.4*

Cần tăng cường các sinh hoạt học thuật (seminar, hội nghị khoa học, nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy) ở Khoa và các Bộ môn.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.4*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 10.4 đạt mức: 5/7.*

**Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.**

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.5*

Học viện có mạng lưới ĐBCL bên trong được xây dựng để đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Quy trình khảo sát ý kiến các BLQ,...

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm thông qua khảo sát ý kiến của đội ngũ GV, NV và người học về chất lượng đào tạo. Kết quả đánh giá từ năm 2018 đến năm 2020 cho thấy tỷ lệ hài lòng về CSVC, các dịch vụ hỗ trợ có xu hướng gia tăng. Kết quả khảo sát GV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT là 47,5%. Năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT tăng lên là 55,71%. Năm 2020, con số này đã tăng lên 80%. Kết quả khảo sát SV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của SV chỉ ở mức dưới 55%, đến năm 2019, con số này tăng lên mức 75,9% và năm 2020 là 81,1% (Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đội ngũ GV, NV và SV các năm 2016-2020). Ngoài ra, việc đánh giá cũng được thể hiện trong các Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm. Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Phòng Quản trị và QL KTX, Phòng CTCT và hỗ trợ SV, Ban QLĐT, Phòng KT-KĐCLĐT, CNTT, Đoàn Thanh niên... việc sử dụng các kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến.

Học viện đã có đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư hơn 3,3 tỷ VNĐ (số liệu làm tròn) nâng cấp mạng internet, 1,4 tỷ VNĐ nâng cấp máy tính ở các phòng thực hành, 2,6 tỷ VNĐ cho các phần mềm và 3,3 tỷ VNĐ cho các công nghệ hỗ trợ khác; đã triển khai 12 gói thầu nâng

cấp thư viện (Hồ sơ mua sắm, hợp đồng tài chính...), bổ sung 48 máy tính cho Thư viện; đầu tư hơn 10 tỷ VNĐ cho KTX, 64,8 tỷ VNĐ cho hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm; đối với ngành QHCC, Học viện đã chi 369 triệu VNĐ để bổ sung tài liệu học tập cho ngành QHCC, bổ sung: 257 tài liệu số, 1800 cuốn tài liệu, giáo trình, 650 tài liệu tham khảo (Báo cáo tổng hợp kết quả đầu tư cho ngành QHQT, ngày 09/8/2021).

Qua phỏng vấn cho thấy, SV ngành Triết học hài lòng với CSVC và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của trường/khoa.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.5*

Một số trang thiết bị xuống cấp chưa kịp thời thay thế, điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động ngoài giờ của SV còn hạn chế.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.5*

Cần tiếp tục tăng cường đầu tư, cải thiện CSVC cho các hoạt động ngoài giờ của SV.

Khoa cần chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.5*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 10.5 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.6*

Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Trường có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL. Trung tâm này điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được

thành lập với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và một CB/GV/NV làm thư ký. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các BLQ (QĐ số 1699-QĐ/HVBC&TT, ngày 26/3/2021).

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ về chất lượng đào tạo, quy định rõ quy trình, nội dung, mục đích, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo (các QĐ số 2003/QĐ-HVBC&TT, ngày 05/02/2017; số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát định kỳ từng học kỳ (đối với SV), cuối khóa học (đối với SV năm cuối), hằng năm (đối với CB, GV, NV), theo công việc (đối với NSDLĐ và cựu SV) (Kế hoạch ĐBCL CTĐT các năm học; Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về các hoạt động của Nhà trường các năm học).

Bên cạnh việc khảo sát, ý kiến phản hồi của các BLQ còn được thu nhận qua hộp thư góp ý của Học viện, hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, Học viện và SV hàng năm, các cuộc sinh hoạt lớp, trao đổi giữa GVCN, CVHT với SV, Hội nghị công tác đào tạo.

Ngoài ra, các thông tin phản hồi về KQHT, rèn luyện, các hoạt động Đảng – Đoàn-Hội với SV cũng được thực hiện qua: trang thông tin điện tử của Học viện, Khoa QHQT, Tài liệu tuyển sinh hàng năm (Kết quả kiểm tra thực tế).

Việc đánh giá về quy trình, nội dung, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo đã được Học viện thực hiện lồng ghép trong các Kế hoạch ĐBCL của Học viện các năm 2016-2020.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng.

Về đối tượng, trước năm 2016, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với SV hàng kỳ; khảo sát SV cuối khoá và SV tốt nghiệp. Năm 2017, Học viện đã bổ sung đối tượng khảo sát NSDLĐ. Năm 2018, Học viện triển khai khảo sát CB, GV, NV về CTĐT và các hoạt động của Nhà trường. Về hình thức khảo sát, trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email; từ năm 2019 trở đi, các hình thức khảo sát đã đa dạng, bao gồm: gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp (Bảng thống kê số liệu khảo sát ngành QHQT, ngày 09/8/2021).

Quy trình lấy ý kiến phản hồi năm 2017 gồm 5 bước (khái quát, chưa cụ thể), được cải tiến năm 2019 có bổ sung lưu trình thực hiện và sử dụng kết quả khảo sát cho các đơn vị thực hiện; quy trình năm 2020 đã quy định cụ thể cho các nội dung, đối tượng khảo sát: Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BQL về chất lượng dạy học gồm 7 bước; khảo sát về CTĐT gồm 8 bước; khảo sát về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp gồm 6 bước; khảo sát về chất lượng SV tốt nghiệp gồm 8 bước (QĐ số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Các kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Trung tâm KT-KĐCLĐT gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Kết quả khảo sát này được sử dụng để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR, ... Trong hoạt động rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các BLQ đã được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR, ĐCCT học phần, Tài liệu học tập,... (Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ các năm 2016-2020).

## *2. Tồn tại của tiêu chí 10.6*

Học viện đã xây dựng mạng lưới BĐCL bên trong nhưng hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống này chưa đầy đủ (chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong).

Việc khảo sát ý kiến các BLQ mới được thực hiện cơ bản đầy đủ, đồng bộ từ năm 2018, tuy nhiên, vẫn còn thiếu nhóm chuyên gia, cán bộ quản lý và các tổ chức xã hội.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.6*

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản hoạt động của mạng lưới BĐCL bên trong để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.6*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 10.6 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng; Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPDH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR;

Có nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống BĐCL bên trong chưa đầy đủ (chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong).

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Một số khu vực của các tòa nhà, một số trang thiết bị đã xuống cấp, điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động ngoài giờ của SV còn hạn chế.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ.

### + Kiến nghị

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác ĐBCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG... để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CDR của học phần với CDR của CTĐT.

Cần tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVQ và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

Cần chú trọng hơn nữa việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 10	Tiêu chí 10.1				4				4,00
	Tiêu chí 10.2				4				
	Tiêu chí 10.3			3					
	Tiêu chí 10.4					5			
	Tiêu chí 10.5				4				
	Tiêu chí 10.6				4				

### TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐÀU RA

**Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.1

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành Triết học được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện (QĐ số 4227/QĐ-HVBCTT ngày 30/09/2019), Khoa Triết học là đơn vị phối hợp (QĐ số 4208/QĐ-HVBCTT ngày 30/09/2019). Việc quản

lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần.

Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, Tỷ lệ SV thôi học của các khoá tuyển sinh năm học 2014-2015 đến năm 2019-2020 là tương đối cao, có xu hướng tăng dần và tương ứng là 13,5%, 27,9%, 13,21%, 16,12%, 25% , 22,91%. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong giai đoạn đánh giá là 20,2%. SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các ngành học đều được Học viện gửi đến các đơn vị đào tạo và được công bố trong các báo cáo tổng kết năm học. Theo kết quả thống kê của Học viện thì các khoá từ 2012-2016 đến khoá 2017-2021 không có SV nào tốt nghiệp trước hạn, Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm dần và tương ứng là 89,4%, 93,0%, 72,5%, 67,7%, 64,5%, 53,8%. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn trung bình của 06 khoá là 76,1%.

Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, SV tốt nghiệp không đúng hạn là do không đạt CDR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học rải rác ở tất cả các năm và với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, đi làm hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình...).

Khoa đã thực hiện đối sánh Tỷ lệ SV thôi học, Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành Triết học giữa các khoá, đối sánh với ngành QHCC, QHQT, XHH của Học viện. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong 06 năm của ngành Triết học là 20,2 %, cao hơn ngành QHCC, XHH và ngành QHQT. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành Triết học cao hơn so với ngành XHH nhưng thấp hơn ngành QHCC, QHQT.

Năm học tuyển sinh	TỶ LỆ SV THÔI HỌC CỦA CTĐT (%)			
	QHCC	XHH	QHQT	TRIẾT HỌC
2014- 2015	18,6	21,8	16,6	13,5
2015 - 2016	21,4	17,0	13,6	27,9
2016 - 2017	8,2	14,7	17,8	13,2
2017 - 2018	13,9	13,9	10,6	16,1
2018 - 2019	6,9	22,8	8,51	25,0



2019 – 2020	3,2	2,2	5,45	22,9
TRUNG BÌNH	<b>12,4</b>	<b>16,2</b>	<b>16,2</b>	<b>20,2</b>

KHOÁ ĐT	TỶ LỆ TỐT NGHIỆP ĐÚNG HẠN CỦA CTĐT			
	QHCC	XHH	QHQT	TRIẾT HỌC
2012 – 2016	93,8	94,0	96,7	89,4
2013 – 2017	92,3	89,7	89,7	93,0
2014 – 2018	74,5	71,0	61,0	72,5
2015 – 2019	60,9	37,8	68,5	67,7
2016 – 2020	87,5	48,3	81,2	64,5
2017 – 2021	68,9	37,8	67,9	53,8
TRUNG BÌNH	<b>76,9</b>	<b>65,2</b>	<b>76,7</b>	<b>76,1</b>

### 2. Tồn tại của tiêu chí 11.1

Hiệu quả của việc đối sánh Tỷ lệ SV thôi học và Tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Triết học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước chưa cao như số liệu đối sánh còn ít và thực hiện không thường niên, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập. Tỷ lệ SV thôi học tương đối cao.

### 3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.1

Khoa cần sử dụng hiệu quả hơn dữ liệu thống kê về tình trạng SV thôi học, tình trạng SV tốt nghiệp đúng hạn để phân tích kỹ càng hơn các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến vẫn còn trung bình 20,2% SV thôi học. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm. Hằng năm cần thống kê chi tiết số SV không tốt nghiệp đúng hạn theo các nguyên nhân, số SV còn nợ HP và tập trung ở những HP nào là chủ yếu... Trên cơ sở đó có giải pháp hợp lý hơn để cải thiện tình trạng hiện tại. Ngoài ra, Khoa cũng cần phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành Triết học.

### 4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.1

(Không có).

5. *Đánh giá tiêu chí 11.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.2*

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý KQHT của SV, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Phần mềm quản lý đào tạo là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp của SV các khoá và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của ngành học. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành Triết học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá 2012-2016 đến khoá 2015-2019 tương ứng là 4,02 năm, 4,03 năm, 4,39 năm, 4,13 năm (trung bình là 4,15 năm).

Hồ sơ minh chứng cho thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến SV. Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về giải pháp khắc phục tình trạng thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá có xu hướng tăng. CVHT, Đoàn thanh niên và ban cán sự lớp đều có cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV, nhất là SV năm cuối để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, xác định tinh thần quyết tâm vươn lên để hoàn thành CTĐT đúng hạn (Biên bản họp lớp). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa hằng năm). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CDR về ngoại ngữ và tin học hoặc nợ một số HP chuyên môn. Để tạo cơ hội trả nợ cho SV, Học viện đã tổ chức các lớp học bổ sung cho SV có nhu cầu học cải thiện điểm hoặc trả nợ.

Khoa đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá SV ngành Triết học với SV các khoá tương ứng của ngành QHQT, XHH, QHCC thuộc Học viện. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của 04 ngành này là khá tương đồng.

*2. Tồn tại của tiêu chí 11.2*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng và Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Hồ sơ minh chứng về biên bản họp Khoa và biên bản họp

các lớp SV cho thấy, Khoa chưa đề xuất được những giải pháp cụ thể để giúp SV khắc phục khó khăn để hoàn thành CTĐT theo đúng kế hoạch đào tạo của Học viện. Khoa chưa thực sự nỗ lực trong việc tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QHQT với SV cùng ngành của một số trường đại học trong nước. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành Triết học với SV các ngành khác trong Học viện được thực hiện chưa bài bản và hiệu quả chưa cao.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.2*

Khoa và CVHT nên quan tâm hơn nữa đến KQHT của SV ngay từ năm thứ nhất để có tư vấn hỗ trợ kịp thời. Ngoài ra, Khoa cần đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, tạo động lực học tập thông qua lòng yêu ngành yêu nghề cho SV. Sau học kỳ II của năm thứ ba, Ban QLĐT nên thống kê danh sách những SV còn nợ các HP để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Căn cứ vào tình hình thực tế, Học viện có thể tổ chức thêm học kỳ hè để SV có thể đăng ký học trả nợ hoặc học vượt khi có nhu cầu. Kết thúc mỗi khoá học, Học viện cần thống kê Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các ngành trong Học viện để gửi đến các đơn vị triển khai việc phân tích đánh giá, đối sánh kết quả để tìm hiểu nguyên nhân và xây dựng giải pháp cải tiến.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 11.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.3*

Học viện đã giao cho Trung tâm KT&KĐCLGD là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&KĐCLGD. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLGD thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có

khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định. Kết quả thống kê được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Nội dung	Tốt nghiệp năm 2016	Tốt nghiệp năm 2017	Tốt nghiệp năm 2018	Tốt nghiệp năm 2019
Số SV tốt nghiệp	88	40	45	23
Số SV phản hồi	86	28	41	20
Tỷ lệ SV có việc làm trong số phản hồi (%)	73,26	89,29	95	90
Tỷ lệ học tiếp (%)	10,4	10,7	9,8	5,0
Tỷ lệ làm việc đúng ngành đào tạo (%)	33,0%	0%	32,0	35,0
Tỷ lệ làm việc trong khu vực ngoài nhà nước (%)	79,6	63,6	77,1	77,0
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/tháng)	Không khảo sát	5-10: 68,1% > 10: 18,1%	5-10:28,9% 10-15:26,7% > 15: 22,2%	5-10:73,3% 10-15:26,7%

Đoàn Đánh giá ngoài đã khảo sát độc lập đối với 41SV tốt nghiệp năm 2019 và 2020, nhận được 29 SV phản hồi. Trong số phản hồi có 93,1 % đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 81,48%, làm việc trong khu vực nhà nước là 25,93%, làm việc ở khu vực ngoài Nhà nước là 55,56%, tự khởi nghiệp 14,81%, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng chiếm 70,36%.

Khoa đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành Triết học sau tốt nghiệp với SV ngành XHH của Học viện và kết quả cho thấy, Tỷ lệ SV có việc làm của ngành Triết học thấp hơn so với SV ngành XHH đối với các khoá tốt nghiệp năm 2016, 2017, 2019.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm để phân tích nguyên nhân Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế, tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV, thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 11.3*

Chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành Triết học với SV các ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít... Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo ở thời điểm khảo sát không cao, chỉ đạt khoảng trên 25%.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.3*

Học viện/Khoa cần hoàn thiện quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp từ việc thu thập dữ liệu của SV trước tốt nghiệp (địa chỉ, email, điện thoại, lập group zalo của mỗi khoá...) đến nội dung, công cụ và phương thức khảo sát... Học viện cần định kỳ tổng kết công tác khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp để đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động khảo sát, nhất là PP khảo sát và độ tin cậy của kết quả khảo sát để từ đó có những cải tiến kịp thời. Cần khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ và của cựu SV về chất lượng SV tốt nghiệp theo từng khoá đào tạo để có cải tiến kịp thời theo hướng nâng cao Tỷ lệ SV sớm có việc làm, nhất là có việc làm đúng và gắn với ngành đào tạo. Học viện cần khảo sát kỹ lưỡng và khoa học về nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực do CTĐT cung cấp. Tiếp tục nâng cao năng lực khởi nghiệp, nâng cao kiến thức ngoại ngữ, kiến thức thực tế, một số kỹ năng mềm để SV đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Cần phát huy vai trò của Khoa, bộ môn và các GV trong việc liên hệ với cựu SV để giới thiệu việc làm và phối hợp thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV.

Học viện nên có quy định cụ thể nhiệm vụ hướng nghiệp và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp cho Khoa. Cần cho SV tiếp cận sớm với thị trường lao động thông qua hoạt động tham quan thực tập, thực tế tại các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực của Khoa cung cấp.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.3*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 11.3 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.4*

Học viện giao cho Ban Quản lý khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện (QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011 và QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (QĐ số 5061/QĐ-HVBC&TT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học; mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện.

Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lý đề tài. Ban QLKH lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý.

Học viện đã quy định mức chi thực hiện một đề tài NCKH SV là 05 triệu đồng. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã chi 46,6 triệu đồng cho SV ngành Triết học thực hiện đề tài NCKH SV cấp Viện. Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội thảo hội nghị khoa học do SV tổ chức. Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá SV của ngành Triết học đã thực hiện 07 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 27 SV. Ngoài ra, Khoa đã tổ chức 02 hội khoa học SV. Kết quả NCKH của SV được đối sánh với SV ngành XHH của Học viện.

Công tác NCKH của SV được Học viện và Khoa quan tâm như hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV, tăng số lượng đề tài và kinh phí chi thực hiện đề tài NCKH SV. Năm 2016, Học viện có 30 đề tài NCKH SV với kinh phí chi 139,5 triệu đồng thì năm 2020 có 40 đề tài với kinh phí chi là 401,6 triệu đồng (riêng ngành Triết học đã tăng từ 4,65 triệu đồng năm 2016 lên 14 triệu đồng năm 2019), có chính sách khen thưởng SV tích cực tham gia NCKH (cộng 0,2 điểm vào trung bình chung học tập của năm học với SV chủ trì đề tài...).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 11.4*

Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa có quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV.

Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV. Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành Triết học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong cả nước.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.4*

Học viện cần có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, tạo sự đam mê NCKH trong SV như đổi mới chính sách khen thưởng, kết quả NCKH được thay thế một học phần nào đó trong CTĐT, tăng kinh phí chi để thực hiện đề tài nghiên cứu và số lượng đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Định kỳ tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa và cấp Học viện. Kết hợp hình thức thực hiện đề tài NCKH với các hoạt động dự án, dự án PVCD của SV. Cần nâng cao chất lượng hoạt động đối sánh chất lượng NCKH của SV ngành Triết học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 11.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.5*

Trung tâm KT&KĐCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các đơn vị đào tạo phối hợp thực hiện (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019). Theo đó, nội dung khảo sát bao gồm khảo sát về chất lượng giảng dạy HP, chất lượng CTĐT, tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo, khảo sát nhà SDLĐ về chất lượng đào tạo, khảo sát GV/NV về chất lượng đào tạo; Kết quả khảo sát được gửi trực

tiếp đến các đơn vị làm căn cứ để cải tiến chất lượng; quy trình lấy ý kiến phản hồi được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến ít nhất 02 năm/lần.

Hoạt động khảo sát được thực hiện tương đối bài bản và hệ thống từ năm 2018. Học viện thực hiện 05 loại khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của CTĐT như: khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, nhà SDLĐ về chất lượng đào tạo...PP khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm quản lý đào tạo, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV. Học viện đã khảo sát 15 nhà SDLĐ về chất lượng SV tốt nghiệp năm 2019 và có từ 90% đến 100% hài lòng về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của SV.

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV năm cuối về PPGD trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020 tương ứng là 54,0%, 82,7%, 86,4%, 89,7%; mức độ hài lòng về KTĐG là 47%, 64,3%, 87,7%, 92,0%; mức độ hài lòng về đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo là 60,0%, 72,7%, 77,3%, 84,8%. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về các lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần, thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 11.5*

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích đối sánh kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ của GV về chất lượng SV tốt nghiệp.

Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát. Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Chưa có đánh giá về độ tin cậy của PP và công cụ khảo sát (nhất là phần lớn thực hiện khảo sát trực tuyến).

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.5*



Trung tâm KT&KĐCLGD cần cập nhật, điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học. Cần thực hiện công tác khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (đa dạng hình thức khảo sát như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi toạ đàm, hội thảo; khảo sát theo khoá SV tốt nghiệp để có thêm kết quả đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT...).

Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của PP khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát...).

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.5*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 11.5 đạt mức: 4/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Học viện có Ban QLĐT chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê cập nhật, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Triết học. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 20,2%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình của 03 khoá là 4,14 năm. Trung bình Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 76,1%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp; có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 86,9%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 31,3% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng.

Học viện đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác;

Học viện đã ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức

độ hài lòng của SV, GV, cán bộ NV, nhà SDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện có giám sát, thống kê dữ liệu về Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá đào tạo nhưng việc phân tích đối sánh dữ liệu để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng còn hạn chế như số liệu đối sánh còn ít và thực hiện không thường niên, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập. Tỷ lệ SV thôi học tương đối cao. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng và Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành Triết học với SV các ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít... Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo ở thời điểm khảo sát không cao, chỉ đạt khoảng trên 25%.

Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa có quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV. Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV.

Hằng năm, Học viện có thực hiện 05 loại khảo sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động phục vụ, đào tạo và NCKH nhưng chưa sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng. Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát. Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Chưa có đánh giá về độ tin cậy của PP và công cụ khảo sát (nhất là phần lớn thực hiện khảo sát trực tuyến).

### + Kiến nghị

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về Tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, Tỷ lệ SV thôi học, Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học. Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát nhà SDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn. Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV.

Nhà trường cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 11	<i>Tiêu chí 11.1</i>				4				3,80
	<i>Tiêu chí 11.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.3</i>			3					
	<i>Tiêu chí 11.4</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.5</i>				4				

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tên CTĐT trình độ đại học ngành: *Triết học*

của *Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

(*Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT*)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								
Tiêu chí 1.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								
Tiêu chí 2.1	5	4	4,67	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	4	3						
Tiêu chí 2.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 3.2	5	4						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								
Tiêu chí 4.1	5	3	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								
Tiêu chí 6.1	5	4	5,00	7	100	3,71	5	71,42
Tiêu chí 6.2	5	3						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								
Tiêu chí 7.1	5	4						
Tiêu chí 7.2	4	4	4,80	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	3						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								
Tiêu chí 8.1	5	4						
Tiêu chí 8.2	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								
Tiêu chí 9.1	5	5						
Tiêu chí 9.2	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								
Tiêu chí 10.1	5	4						
Tiêu chí 10.2	5	4	5,00	6	100	4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 11.2	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 11.3	5	3						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>			<b>4,96</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>3,90</b>	<b>42</b>	<b>84</b>

### PHẦN III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

#### A. KẾT LUẬN

CTĐT trình độ đại học ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận trong xây dựng và phát triển các CTĐT, trong việc thực hiện đa dạng các PPGD, KTĐG phù hợp với đặc thù từng môn học, đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ CB, GV và NV được quản lý và đánh giá chặt chẽ; Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giám sát đã góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của người học; Hệ thống CSVC, Thư viện... đáp ứng yêu cầu ĐT; Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ được xây dựng và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT; Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cao. NTD đánh giá cao về khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của SV Nhà trường tốt nghiệp.

Kết quả ĐGN cho thấy, CTĐT trình độ đại học ngành Triết học của Học viện đã có 42 tiêu chí được đánh giá ở mức điểm 4 trở lên trên tổng số 50 tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016, đạt tỷ lệ 84%; không có tiêu chuẩn nào có tỷ lệ tiêu chí đạt < 50%.

#### B. KIẾN NGHỊ

CTĐT trình độ đại học ngành Triết học vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, cải tiến. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo ĐGN để sớm xây dựng kế hoạch và thực hiện ngay những giải pháp cải tiến cụ thể, khả thi và phù hợp với thực tế

Báo cáo này được sử dụng để thực hiện các bước tiếp theo của quy trình KĐCLGD và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho CTĐT trình độ đại học ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD**



**TS. Trần Đình Quang**

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

A handwritten signature in blue ink, belonging to PGS.TS. Bùi Duy Cam, is written over a horizontal line.

**PGS.TS. Bùi Duy Cam**





## PHẦN PHỤ LỤC

**Phụ lục A.** Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Khoa Triết học

**Phụ lục B.** Tóm tắt kết quả tự đánh giá của CTĐT ngành Triết học

**Phụ lục C.** Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài

**Phụ lục D.** Lịch trình đánh giá ngoài

**Phụ lục Đ.** Công văn phản hồi của CSGD được đánh giá về báo cáo đánh giá ngoài

**PHỤ LỤC A.**  
**KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CTĐT**

**1. Thông tin chung**

***1.1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền***

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học.

Trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, Học viện xác định sứ mạng của mình là “*ngiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2050: “*Trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Học viện phấn đấu trở thành:*

*Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông*

*Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.*

*Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050”.*

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Công hiến.*

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo, 06 ban, 01 Văn phòng, 02 phòng, 03 trung tâm, 01 viện, 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

## **1.2. Khoa Triết học**

Khoa Triết học được thành lập ngày 16 -1- 1962 cùng với ngày thành lập Trường (lúc đó là Trường Tuyên huấn Trung ương) trên cơ sở sát nhập Khoa Triết học - Trường Nguyễn Ái Quốc II, Khoa Triết học - Trường Tuyên giáo Trung ương và Khoa Triết học - Trường Đại học Nhân dân.

Khoa Triết học là đơn vị chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Khoa hiện nay có 62,5% giảng viên có học hàm Giáo sư, phó Giáo sư; 12,5% giảng viên có học vị Tiến sĩ; 25% giảng viên có học vị Thạc sĩ. Ngoài ra, khoa Triết học còn có nhiều cộng tác viên là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp đang công tác tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và các cơ sở đào tạo khác.

Hiện khoa đã đào tạo được hơn 30 khóa đại học Khoa Triết học, chuyên Khoa Triết học Mác – Lênin; 12 khóa cao học với gần 200 thạc sĩ; 7 khóa NCS với 35 NCS đã và đang học tại Khoa.

## **2. Một số dữ liệu cơ bản của khoa Triết học (tính đến 30/8/2021)**

### **2.1. GV:**

Tổng số giảng viên cơ hữu: 8 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:  $8/9 = 88.88\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $6/9 = 66.66\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $3/9 = 33.33\%$

### **2.2. SV:**

#### **a. Tổng số SV chính quy (người)**

Tổng số người học chính quy: 130 người

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:  $130/19 = 6,84\%$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào:  $163/230 = 70,869\%$

#### **b. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:**

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 64%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết

cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 36%

c. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 35%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 65%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 5-10 triệu.

d. Đánh giá của NTD về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 73%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 27%

### **3. NCKH, chuyển giao công nghệ và PVCĐ:**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $14/8 = 1,75$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $53/8 = 6,625$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $49/8 = 6,125$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $55/8 = 6,875$

### **4. Cơ sở vật chất**

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:  $1,58 \text{ m}^2$

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:  $3,34 \text{ m}^2/\text{SV}$

### **6. Đảm bảo chất lượng giáo dục**

Đã thực hiện công tác đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm 2018.

**PHỤ LỤC B**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TRIẾT HỌC  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Tên CTĐT: Triết học

Mã CTĐT: 7229001

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>										
Tiêu chí 2.1					5			4,67	3	100
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.2					5			4,80	3	100
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1					5			4,80	3	100
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 10.3					5			5,00	3	100
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			4,96	50	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,96</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

## PHỤ LỤC C

# QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH TRIẾT HỌC, HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~47~~ B/QĐ-KDCLV

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo  
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KDCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;*

*Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo Cử nhân Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (*Danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “*Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo*” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KDCLĐHV



ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

**Điều 3.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

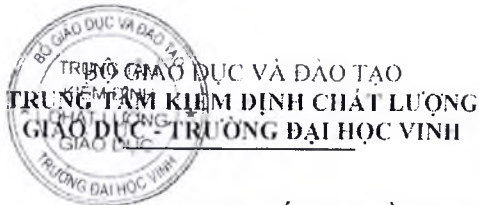
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.

**GIÁM ĐỐC**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TRIẾT HỌC  
CỦA HỌC VIỆN BAO CHỈ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số: 196/QĐ-KĐCLV ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
<b>I</b>	<b>Chuyên gia</b>		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	2017.01.246	Thư ký
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.067	Thành viên thường trực
4	TS. Nguyễn Văn Trung	2017.01.332	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
6	TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
7	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
<b>II</b>	<b>Giám sát</b>		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

*Ấn định danh sách gồm 08 người.*

**PHỤ LỤC D**  
**LỊCH TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH TRIẾT HỌC**  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**(cùng với 03 CTĐT ngành Quan hệ công chúng, Quan hệ quốc tế và Xã hội học)**

**I. Mục đích đánh giá ngoài**

1. Xác nhận tính xác thực và khách quan của bản báo cáo tự đánh giá 04 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Triết học (CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đăng ký kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

2. Tư vấn, khuyến nghị các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT.

**II. Phạm vi đánh giá**

Đánh giá toàn bộ hoạt động của CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**III. Đoàn đánh giá ngoài**

Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Triết học được thành lập theo Quyết định số 196/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường đại học Vinh (có *Quyết định và danh sách kèm theo-Phụ lục C*).

Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế được thành lập theo Quyết

**IV. Hoạt động của đoàn đánh giá ngoài**

**1. Bảng phân công nghiên cứu sâu các tiêu chí**

TT	Họ và tên	Trách nhiệm trong đoàn	Các tiêu chí được phân công nghiên cứu sâu
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	Trưởng đoàn	TC 11 của 04 CTĐT+ TC 6.7: 24 tiêu chí
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	Thư ký	TC10 của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên thường trực	TC6 (trừ 6.7) của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An	Thành viên	Tiêu chuẩn 8 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
5	TS. Phan Văn Hiếu	Thành viên	Tiêu chuẩn 9 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
6	TS. Lê Huy Tùng	Thành viên	Tiêu chuẩn 7 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
7	TS. Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Từ TC1 đến TC5/ Triết học: 17 tiêu chí
8	TS. Đào Hải	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHCC: 17 tiêu chí
9	TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHQT: 17 tiêu chí
10	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / XHH: 17 tiêu chí

## 2. Công tác chuẩn bị cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian
1	Chuẩn bị và gửi Hồ sơ tự đánh giá các CTĐT cho đoàn ĐGN.	Trung tâm KĐCLGD - ĐHV	Ngay sau khi có Quyết định thành lập đoàn ĐGN
2	Phân công cho các thành viên trong đoàn nghiên cứu sâu các tiêu chí.	Trưởng đoàn ĐGN	Tuần 1
3	Nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá; nghiên cứu sâu các tiêu chí được phân công; viết bản nhận xét báo cáo tự đánh giá; gửi báo cáo cho thư ký và trưởng đoàn để tổng hợp.	Các thành viên của đoàn ĐGN	Tuần 1, 2
4	Tổng hợp các bản nhận xét báo cáo tự đánh giá của các thành viên trong đoàn thành Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và gửi bản mềm cho các thành viên khác để nghiên cứu trước khi họp đoàn.	Thư ký	Tuần 2

## 3. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và họp Đoàn

### a. Nghiên cứu hồ sơ

**Thời gian:** Từ ngày 17 - 25/7/2021

**Địa điểm:** Các thành viên trong đoàn tự bố trí

### b. Họp đoàn

**Thời gian:** 1 buổi ngày 26/7/2021

**Địa điểm:** Họp trực tuyến (online)

**Lịch làm việc:**

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 10:00	Họp đoàn thảo luận, trao đổi về nhận xét báo cáo nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của các thành viên trong đoàn. Thống nhất báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá chung của Đoàn.	Cả đoàn
10:00 - 10:30	Thảo luận, thống nhất về nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.	Trưởng đoàn, Cả đoàn
10:30 - 11:45	Thảo luận, thống nhất kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức.	Cả đoàn
11:45 - 12:00	Gửi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHV.	Trưởng đoàn

## 4. Khảo sát sơ bộ tại cơ sở giáo dục

**Thời gian làm việc: 1 ngày (Thứ Sáu, ngày 01 tháng 10 năm 2021)**

**Địa điểm: Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.**

**Lịch làm việc:**

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc với lãnh đạo Học viện và thống nhất kế hoạch khảo sát.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện lãnh đạo Học viện.
8:30 - 9:30	Đoàn quan sát sơ bộ thực tế khuôn viên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, học tập, sinh hoạt của cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Cán bộ hỗ trợ của Học viện.
9:00 - 12:00	Đoàn kiểm tra sơ bộ các tài liệu, hồ sơ minh chứng	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Hội đồng tự đánh giá;
<b>12:00 - 13:30</b>	<b>Nghỉ trưa</b>	
13:30 - 15:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá để thông báo và trao đổi về kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá CTĐT.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá 04 CTĐT.
15:30 - 17:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá và thống nhất những vấn đề cơ sở giáo dục cần chuẩn bị: - Tài liệu, minh chứng cần bổ sung; - Số lượng, thành phần các đối tượng phỏng vấn; - Đối tượng cần quan sát, kiểm tra; - Công tác hậu cần cho Đoàn.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực của Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; Hội đồng tự đánh giá CTĐT của cơ sở giáo dục.
17:00 - 17:30	Ký Biên bản khảo sát sơ bộ.	Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; Trưởng đoàn, Lãnh đạo Học viện.

### 5. Khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục

**Thời gian: 4,5 ngày (Từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 19 tháng 10 năm 2021)**

**Địa điểm: Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.**

**Lịch trình chi tiết:**

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CTĐT Triết học	CTĐT QH công chúng	CTĐT QH quốc tế	CTĐT Xã hội học

<b>Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 15 tháng 10 năm 2021)</b>				
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
10:00 - 12:00	Khai mạc Đánh giá ngoài (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - ĐH Vinh;</li> <li>- BGĐ Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động).</li> </ul> (Hội trường)		
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
<b>Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 16 tháng 10 năm 2021)</b>				
8:00 - 9:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
9:00 - 10:00	Phòng vận nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/phó phụ trách chuyên môn của CTĐT được đánh giá)	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3
	Phòng vận nhóm Cán	Phòng PV 5		

	bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể				
10:00 - 10:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
10:15 - 11:15	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động	Phòng PV 5			
11:15 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 - 14:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
14:00 - 15:00	Phòng vấn nhóm sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
15:00 - 15:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
15:15 - 16:15	Phòng vấn nhóm cựu sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
16:15 - 17:30	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
17:30 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ ba (Chủ nhật, ngày 17 tháng 10 năm 2021)</b>					
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
9:00 - 10:30	Quan sát thực tế phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các Khoa.	Nhóm 1 (Địa điểm quan sát)			
	Quan sát thực tế Thư viện; văn phòng bộ môn; văn phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan.	Nhóm 2 (Địa điểm quan sát)			

	Quan sát thực tế Trạm y tế, ký túc xá, khu thể thao, câu lạc bộ sinh viên và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 3 (Địa điểm quan sát)
10:30 - 12:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
12:00-13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
<b>Ngày làm việc thứ tư (Thứ Hai, ngày 18 tháng 10 năm 2021)</b>		
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
	Các thành viên trong đoàn/nhóm phụ trách trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong	

	<p>kết quả đánh giá của các thành viên</p> <p>Thảo luận những điểm cần trao đổi và làm rõ với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá</p>	
10:00 - 12:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Trường và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>(Phòng họp)</i></p>
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 15:30	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo phụ lục 14 và gửi cho thư ký Đoàn.	
15:30 - 17:00	<p>Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công;</p> <p>Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ;</p> <p>Thư ký tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.</p>	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn <i>(nếu có nhu cầu)</i>	
<b><i>Ngày làm việc thứ năm (thứ Ba, ngày 19 tháng 10 năm 2021)</i></b>		
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
9:00 - 11:30	Bể mạc đợt khảo sát chính thức <i>(có chương trình chi tiết kèm theo)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;</li> <li>- Đại diện lãnh đạo TT KĐCLGD-ĐHV;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- Đại diện các đơn vị trong Trường;</li> <li>- Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá.</li> </ul>
11:30 - 12:00	Ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện Báo	



chí và Tuyên truyền và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	(Hội trường)
---	--------------

**6. Viết báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo**

**Lịch thực hiện viết báo cáo ĐGN**

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian
1	Dự thảo báo cáo ĐGN.	Trưởng đoàn, thư ký	20 - 25/10/2021
2	Gửi dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 1</i> ) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	26 - 28/10/2021
3	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 1</i> )	Cả đoàn	29/8 - 03/11/2021
4	Sửa chữa và gửi dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 2</i> ) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	04 - 07/11/2021
5	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 2</i> ).	Cả đoàn	8/9 - 12/11/2021
6	Họp đoàn để thống nhất ý kiến về dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>nếu sau 2 lần vẫn chưa có đủ 2/3 số thành viên trong đoàn thống nhất ý kiến</i> ).	Cả đoàn	13/11/2021
7	Gửi Dự thảo báo cáo ĐGN cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền ( <i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i> ).	Trưởng đoàn, thư ký	14 - 19/11/2021
8	Phản hồi ý kiến của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	20 - 30/11/2021
9	Hoàn chỉnh báo cáo và gửi báo cáo ĐGN CTĐT ( <i>bản cuối</i> ) cho cơ sở giáo dục ( <i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i> ).	Trưởng đoàn, thư ký	15 ngày sau khi nhận được ý kiến từ cơ sở giáo dục

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
(Đã ký)

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
(Đã ký)

**PHỤ LỤC Đ**  
**PHẢN HỒI CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH TRIẾT HỌC**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 5481 -CV/HVBCTT  
V/v đồng ý Dự thảo Báo cáo  
đánh giá ngoài chương trình đào tạo

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh

Ngày 04/11/2021, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã nhận được Công văn số 221/KDCLV ngày 04/11/2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Trung tâm) về việc thông báo lấy ý kiến cơ sở giáo dục về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Triết học, Quan hệ công chúng, Quan hệ quốc tế, Xã hội học. Nhà trường phản hồi như sau:

• Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 19/10/2021, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm đã tổ chức khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.


Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

• Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với nội dung trong Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài của Trung tâm và không có kiến nghị gì thêm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, BGD,
- TKT&KDCLĐT.

  
GIÁM ĐỐC  
*[Signature]*  
Phạm Minh Sơn



